

Địa chỉ: Số 02 Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn,

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Số điện thoại: (0256) 822 077

Email: [congtycpdsnghiabinh@gmail.com](mailto:congtycpdsnghiabinh@gmail.com)

Website: [www.duongsatnghiabinh.vn](http://www.duongsatnghiabinh.vn)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



# MỤC LỤC



**I THÔNG TIN CHUNG**

**II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**

**III BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC**

**IV ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**V QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020**

# I

## THÔNG TIN CHUNG

---

THÔNG TIN CHUNG

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

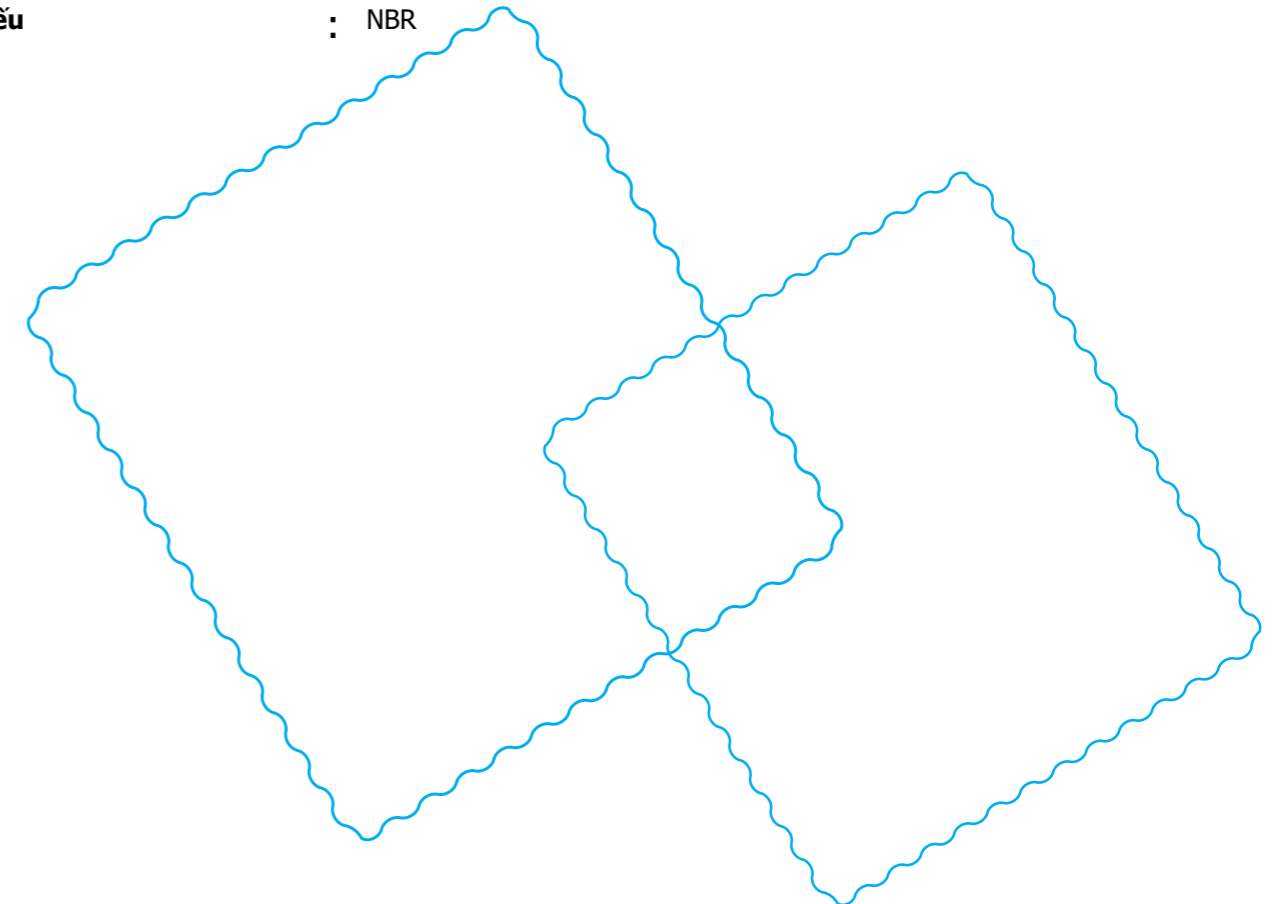
RỦI RO



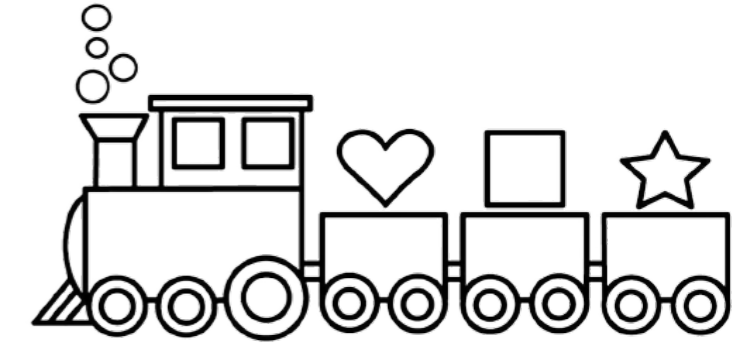
# THÔNG TIN CHUNG



<b>Tên Công ty</b>	: Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
<b>Tên Giao dịch</b>	: Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
<b>Giấy chứng nhận ĐKDN</b>	: Số 4100259405 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01/01/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/10/2017
<b>Vốn điều lệ</b>	: 18.060.000.000 đồng
<b>Địa chỉ</b>	: Số 02 Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
<b>Số điện thoại</b>	: (0256) 822 077
<b>Số fax</b>	: (0256) 817 371
<b>Email</b>	: congtycpdsnghiabinh@gmail.com
<b>Website</b>	: www.duongsatnghiabinh.vn
<b>Mã cổ phiếu</b>	: NBR



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH - PHÁT TRIỂN



WWW.JADINY.VN

## Năm 2016

Ngày 07/04/2016, Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được UBCKNN chấp thuận là Công ty đại chúng theo công văn số 1690/UBCKGSDC ngày 07/4/2016 của UBCKNN về việc đăng ký Công ty đại chúng. Ngày 19/08/2016, giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch với tên gọi CTCP Đường sắt Nghĩa Bình trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

## Năm 2010

Ngày 29/06/2010, Công ty Quản lý đường sắt Nghĩa Bình trở thành Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 713/QĐ-ĐS của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

## Năm 1998

Ngày 17/04/1998, Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình trở thành Xí nghiệp Công ích theo Quyết định số 876/TCCB của Bộ Giao thông vận tải.

## Năm 1983

Ngày 30/12/1983, tên gọi Đoạn cầu đường Nghĩa Bình đổi thành Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 908/TC của Tổng cục Đường Sắt Việt Nam.

## Năm 1976

Ngày 01/10/1976 theo quyết định số 1808/TC-NS của Tổng cục Đường sắt Việt Nam Công ty trở thành Khu đường sắt Nghĩa Bình.

## Trước 1976

NBR Trực thuộc Trung tâm đường sắt Quy Nhơn thuộc đoạn đường sắt II Bình Định, Bình Thuận.

## Năm 1979

Ngày 02/02/1979 theo quyết định số 106/TC-NS của Tổng cục Đường sắt Việt Nam thì Khu đường sắt Nghĩa Bình trở thành Đoạn cầu đường Nghĩa Bình.

## Năm 1996

Ngày 30/05/1996, Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình là Đơn vị sự nghiệp kinh tế theo Quyết định 1208/TC của Bộ Giao thông vận tải.

## Năm 2003

Ngày 20/3/2003, Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình đổi tên thành Công ty Quản lý đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 734/2003/QĐGTVT của Bộ Giao thông Vận tải.

## Năm 2015

Ngày 30/10/2015, Căn cứ Quyết định số 3895/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình thành Công ty cổ phần. Ngày 11/12/2015, tổ chức phiên đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình, tổ chức giá đấu thành công với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.



# CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Lịch sử gần 45 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình là một chặng đường dài đầy khó khăn, gian khổ. Song, với sự quan tâm, chỉ đạo của các thế hệ lãnh đạo các cấp, ngành đường sắt Việt Nam, UBND hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi; sự hợp tác giúp đỡ có hiệu quả của các Sở ngành, chính quyền cơ sở và nhân dân địa phương có đường sắt đi qua; toàn thể cán bộ công nhân viên - người lao động Công ty bằng sự nhiệt thành, bằng ý chí nghị lực với tinh thần lao động cần cù sáng tạo, những người thợ cầu đường đã làm nên những thành tựu đáng được ghi nhận.

Do đó, Đảng, Nhà nước đã phong tặng danh hiệu cho những cống hiến của cán bộ công nhân viên - người lao động Công ty trong suốt quá trình hoạt động, cụ thể như:

- Đơn vị "Anh hùng lao động" trong thời kỳ đổi mới năm 1996;
- Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2001; hạng Nhì năm 2006, hạng nhất năm 2011;
- Huân chương lao động hạng Nhất, Nhì, Ba;
- Dẫn đầu phong trào Bảo vệ an ninh tổ quốc, thi đua quyết thắng liên tục;
- Giữ vững Đơn vị văn hoá 2002 - 2011, từ năm 2012 đến 2016 là cơ quan đạt chuẩn văn hóa doanh nghiệp;
- Liên tục đạt danh hiệu Đơn vị dẫn đầu thi đua và tiên tiến của Tổng công ty;
- Và nhiều cờ thi đua, bằng khen của các Bộ, Ngành, Trung Ương và địa phương tặng cho các tập thể và cá nhân xuất sắc.
- Là Doanh nghiệp có thành tích thực hiện tốt chính sách Pháp luật Thuế năm 2018 do Cục thuế tỉnh Bình Định khen tặng.

Trong năm 2020, NBR đã đạt được một số thành tích như:

- Công ty được nhận bằng khen là doanh nghiệp có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong việc thực hiện phong trào thi đua "Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển" giai đoạn 2017-2019. Hoàn thành tốt chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh Bình Định về tổ chức phong trào thi đua, đặc biệt chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào đầu năm 2021.
- Là cơ quan, doanh nghiệp đạt xuất sắc về tiêu chuẩn "an toàn về an ninh trật tự" do UBND tỉnh Bình Định khen tặng.

# NGÀNH NGHỀ - ĐỊA BÀN KINH DOANH

**Ngành nghề kinh doanh chính:** Quản lý, bảo trì, xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ, thủy lợi và nhà các loại. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.

**Ngành nghề kinh doanh khác hỗ trợ cho ngành đường sắt:**

- Sản xuất và khai thác đá, cát sỏi, cấu kiện bê tông, thép chuyên ngành, dụng cụ lao động, bảo hộ;
- Thí nghiệm, kiểm nghiệm, tư vấn.

**Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật:**

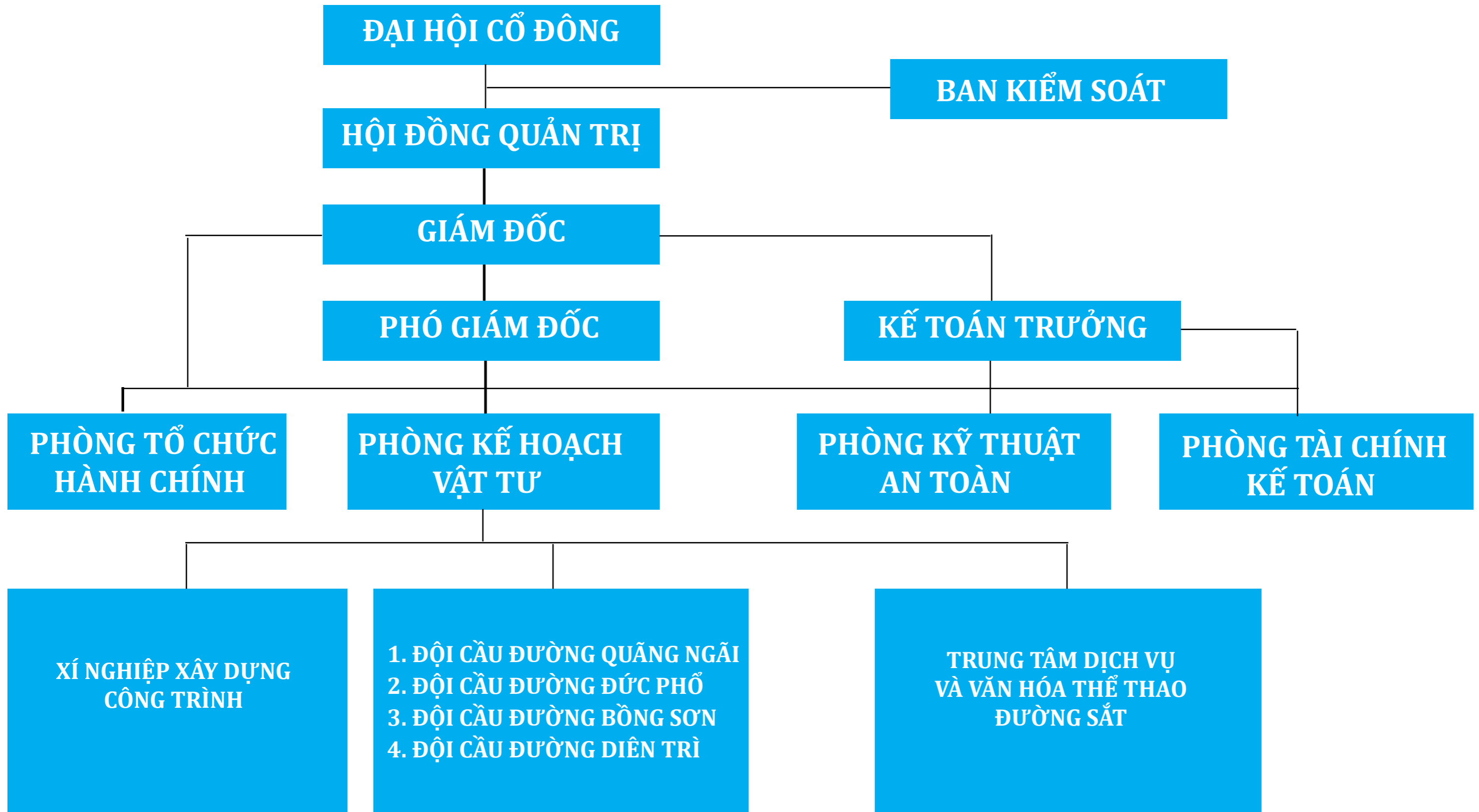
- Kinh doanh vận tải đường bộ; đại lý vé máy bay, ô tô, tàu hỏa;
- Đầu tư và kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch;
- Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa thể thao.

**Địa bàn kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu ở 2 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi



# CƠ CẤU TỔ CHỨC



Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần bao gồm:

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCĐ):**

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT):**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.

**GIÁM ĐỐC (GD):**

Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**BAN KIỂM SOÁT (BKS)**

Thực hiện chức năng giám sát, đánh giá các hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty để báo cáo cho ĐHĐCĐ.

**CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN:**

Hỗ trợ công việc cho Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh.



**Công ty mẹ : TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

- Địa chỉ: 118 Đường Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (024) 39.425.972
- Fax: (024) 39.422.866
- Vốn điều lệ: 2.268.000.000.000 đồng



Công ty con , công ty liên kết: Không có

**Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
- Quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;
- Kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia; đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí.

**Ngành nghề có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính:**

- Tư vấn, khảo sát thiết kế, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng;
- Dịch vụ viễn thông và tin học;
- Kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn của ngành đường sắt;
- Kinh doanh kho bãi và dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.

**Tỷ lệ góp vốn tại Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình:** 9.210.600.000 đồng (tính theo mệnh giá) tương ứng 51% vốn điều lệ





## MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC NGÀNH ĐƯỜNG SẮT

Cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có, trong đó ưu tiên trên tuyến đường sắt Bắc Nam.

Đến năm 2030 hoàn thành mạng lưới đường sắt đô thị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng tuyến đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long.

## MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Áp dụng công nghệ sạch, tiêu hao ít nhiên liệu bằng cách trang bị, đầu tư các thiết bị công nghệ mới tiên tiến.

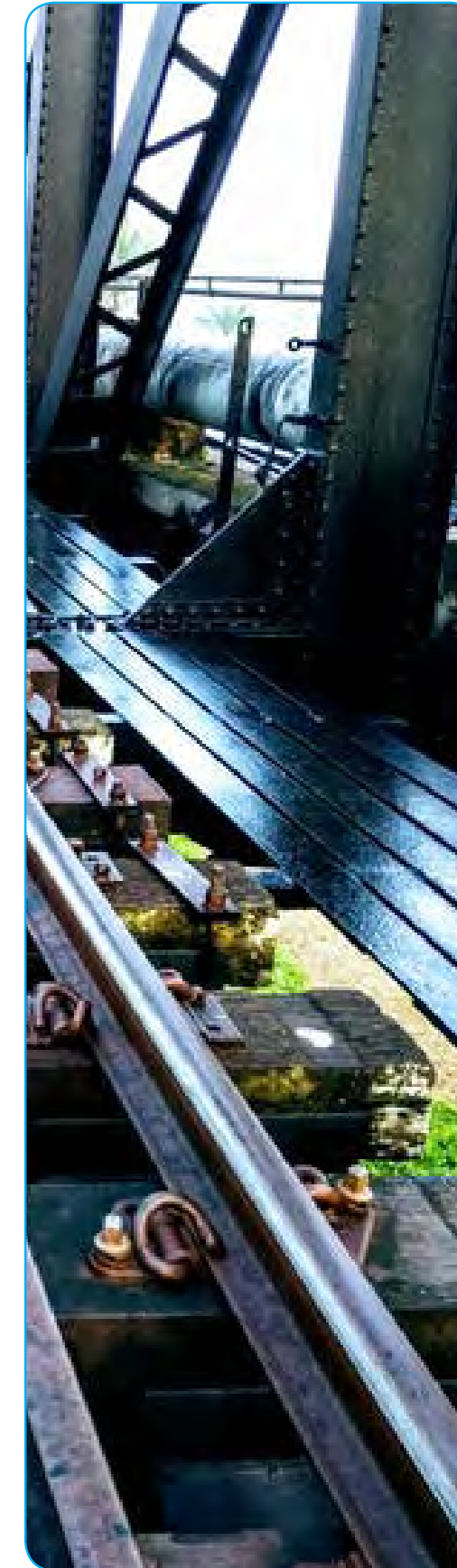
Thực hiện các biện pháp quản lý, tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động liên quan đến kết cấu hạ tầng đường sắt để đảm bảo ATCT tuyệt đối; không có tai nạn sự cố chạy tàu do chủ quan, hạn chế thấp nhất các vụ việc, sự cố tai nạn chạy tàu do khách quan; không để xảy ra TNLD chết người. Tạo thêm công ăn việc làm cho xã hội trên cơ sở mở rộng sản xuất.

## MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

Xây dựng công ty ngày càng phát triển, đưa công ty trở thành nhà thầu thi công có thương hiệu trong ngành đường sắt. Thực hiện hoàn thành 100% khối lượng, kinh phí bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt do nhà nước đặt hàng và nhiệm vụ, khối lượng đột xuất khác, đẩy mạnh việc tìm kiếm tham gia nhận thầu, đấu thầu các công trình ngoài.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đầu tư thêm máy móc thiết bị, sử dụng có hiệu quả các loại máy móc thiết bị hiện có, nhằm đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và yêu cầu của Chủ đầu tư, tạo ra dịch vụ tốt, có tính cạnh tranh cao. Nhận thêm các hợp đồng sửa chữa tạo thêm việc làm, ổn định thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống cho CBCNV; Đảm bảo Công ty tăng trưởng bền vững, phù hợp với quy hoạch phát triển của ngành.

Hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng phát triển đất nước



### RỦI RO KINH TẾ

### RỦI RO LUẬT PHÁP

Kết quả kinh doanh thu được từ các công trình xây dựng cơ bản của Công ty đều chịu ảnh hưởng của sự bất ổn định về giá cả nguyên vật liệu đầu vào, các chính sách kinh tế của Nhà nước trong việc phát triển ngành xây dựng cơ bản.

Ngành đường sắt là một ngành mang tính đặc thù, đòi hỏi sử dụng các loại máy móc chuyên dụng, hiện đại và nguồn nhân lực dài hạn có chất lượng; Do đó lạc hậu về công nghệ hay bất cập trong chính sách chế độ đối với người lao động đều được xem là rủi ro đáng quan tâm.

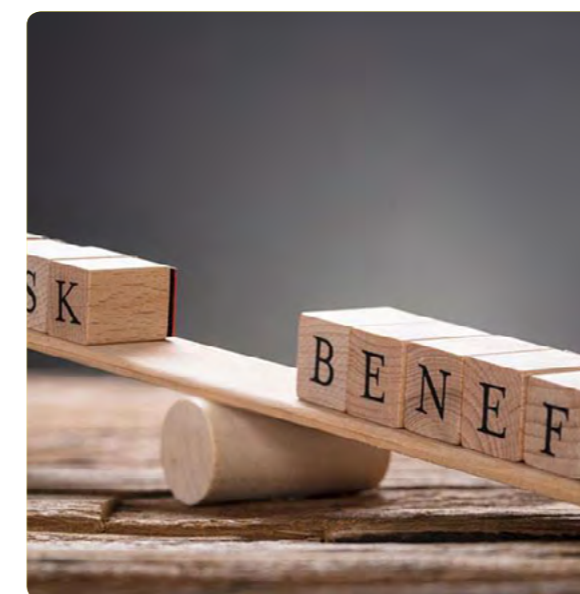
Bên cạnh đó, xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp xây dựng cơ bản dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt. Công ty sẽ phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để giữ vững và mở rộng thị phần cùng như việc khẳng định vị thế của mình trong ngành. Đặc thù của hoạt động quản lý, bảo trì đường sắt Quốc gia là một trong những lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm, điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công vừa chạy tàu, do đó sản phẩm phải làm đi làm lại nhiều lần, ảnh hưởng đến năng suất lao động, đồng thời có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố; Tình trạng Người và phương tiện không chấp hành luật lệ giao thông khi qua đường ngang biển báo, tự ý băng qua đường sắt, tự mở lối đi dân sinh đã gây không ít khó khăn cho công tác đảm bảo an toàn chạy tàu là những rủi ro cần thiết phải tính đến.

khu vực miền Trung là nơi có dải đất hẹp, độ dốc lớn, sông suối nhiều. Do đó vào mùa mưa bão, lũ lụt, nguy cơ xói lở, trôi đường, cây đổ vào đường sắt, đá trôi từ trên đồi xuống lấp hết miệng cống, ảnh hưởng đến an toàn chạy tàu là rất lớn. Để hạn chế, giảm thiểu rủi ro trên, hàng năm, Công ty luôn chú trọng công tác phòng chống lụt bão, từ việc dự trữ vật tư, máy móc thiết bị sẵn sàng ứng phó thiên tai cho đến việc đầu tư gia cố chống xói lở nền đường và các loại máy móc thiết bị khác để đảm bảo kịp thời khi cần ứng cứu. Ngoài ra, mỗi 12 tháng, Công ty đều thành lập tổ xung kích, đội xung kích khi thời tiết xấu và mùa mưa bão đều phải trực 100% tại cung để ứng phó kịp thời.

Với lịch sử hơn 100 năm hình thành và phát triển, ngành đường sắt Việt Nam từng là phương tiện vận chuyển chiếm ưu thế so với các loại hình vận tải khác. Tuy nhiên trước xu thế phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và cách mạng công nghiệp 4.0 đã mở đường cho một loạt các phương thức vận tải khác như: đường bộ, đường biển, hàng không với đặc điểm tiết kiệm thời gian, linh hoạt cao hơn so với đường sắt. Vì vậy hàng năm, Công ty luôn có kế hoạch phát triển khoa học công nghệ, tích cực đầu tư thiết bị dài hạn và ngắn hạn, thêm vào đó là tiếp tục khai thác hiệu quả nhất kết cấu hạ tầng hiện có, đa dạng hóa dải vé, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải.

### RỦI RO LUẬT KHÁC

Ngoài các rủi ro đã đề cập ở trên thì hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh...hoặc các rủi ro không dự báo trước được nhưng lại gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản. Để hạn chế, giảm thiểu những rủi ro trên, Công ty đã chủ động phòng tránh bằng các biện pháp như: mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng, trang bị các thiết bị bảo vệ an toàn theo quy định và hằng năm Công ty đều tổ chức đào tạo, học và thi để cấp chứng chỉ nghề cho toàn bộ công nhân làm công tác trực tiếp phục vụ chạy tàu. Ngoài ra, liên tục tổ chức các lớp học, nâng cao trình độ tay nghề cho lực lượng duy tu để thi công đảm bảo an toàn chạy tàu, an toàn lao động.



CTCP Đường sắt Nghĩa Bình là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần đại chúng và được đăng ký giao dịch (UPCOM) trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Vì vậy tất cả mọi hoạt động của Công ty đều được điều tiết bởi hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Đất đai,... Tuy nhiên, hiện nay văn bản pháp luật Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện để đảm bảo tính minh bạch và phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Vì thế, NBR luôn chủ động cập nhật và theo dõi các chính sách, chủ trương mới của Nhà nước, luật pháp và thông lệ quốc tế để đưa ra mục tiêu, cũng như là kế hoạch phù hợp hoạt động kinh doanh của Công ty.



Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch covid – 19 khiến nền kinh tế của các nước gặp nhiều khó khăn, trì trệ và suy thoái bao gồm chuỗi sản xuất – cung ứng – tiêu dùng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trưởng dương trong năm 2020 đạt 2,91% và ở mức thấp nhất. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới.

Bên cạnh đó, với sự điều hành chính sách tiền tệ hiệu quả của Ngân hàng Trung ương, các chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số lạm phát cũng được kiểm soát tốt ở mức dưới 4%.

Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình là một chủ thể trong nền kinh tế nên mọi thay đổi, biến động từ kinh tế thế giới hay kinh tế trong nước đều ảnh hưởng đến Công ty và các bên liên quan. Vì thế, Công ty luôn thường xuyên cập nhật tình hình kinh tế lẫn chính trị để đưa ra các chiến lược trung và dài hạn phù hợp.

### RỦI RO VỀ GIÁ VẬT TƯ NHIÊN LIỆU

Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, xây dựng công trình giao thông đường sắt. Nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công Ty. Do vậy, giá của các loại nguyên vật liệu tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đầu vào của NBR, trong khi giá cả dịch vụ công không thể điều chỉnh tăng tương ứng, điều đó sẽ tác động không tốt lợi nhuận của Công ty. Để hạn chế những tác động của rủi ro giá nguyên vật liệu, Công ty luôn giữ mối quan hệ tốt với nhà cung cấp để có nguồn hàng ổn định với mức giá cạnh tranh tránh trường hợp giá cả bị biến động.





DỪNG LẠI  
QUAN SÁT TÀU HỎA  
KHI QUA ĐƯỜNG

# II

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT  
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ  
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN  
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG  
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH

## Tình hình chung ngành đường sắt năm 2020

Năm 2020 là một năm tương đối khó khăn đối với ngành vận tải đường sắt cả nước nói chung và Công ty cổ phần đường sắt Nghĩa Bình nói riêng. Ngành đường sắt chịu tác động nặng nề từ đại dịch COVID-19, đồng thời bão lũ xảy ra tại miền Trung vừa qua đã khiến sản lượng vận tải hành khách sụt giảm nghiêm trọng và sẽ gặp nhiều khó khăn trong những năm tới.

"Những khó khăn nội tại về hạ tầng là điểm nghẽn và yếu, không thể làm một sớm một chiều trong thời gian ngắn mà trong thời gian dài về nhận thức, đầu tư, quản lý bảo trì; bộ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn về định mức kinh tế kỹ thuật bảo trì đầu tư hạ tầng đường sắt là cực kỳ cũ và lạc hậu vì có nhiều yếu tố đặc thù; tái cơ cấu bộ máy VNR chậm tác động đến nhiều hoạt động quản lý khai thác kết cấu hạ tầng," Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Đông cho hay.

Theo báo cáo của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, trong năm 2020 an toàn giao thông đường sắt có những kết quả tích cực. Tính chung cả năm cải thiện tốt hơn so với năm 2019, giảm được cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương; kiểm soát được tai nạn do chủ quan, giảm tai nạn đặc biệt nghiêm trọng. Cụ thể như: số vụ tai nạn giao thông đường sắt là 91 vụ, giảm 166 vụ so với năm 2019, trong .Số người chết là 39 người; số người bị thương là 23 người, giảm 157 người. Để đạt những kết quả tích cực trong công tác giao thông ngành vận tải đường sắt đã siết chặt các giải pháp ngăn ngừa tai nạn, sự cố do chủ quan, trong đó đẩy mạnh áp dụng công nghệ để tăng cường giám sát.

## Bảng hoạt động sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2019	TH 2020	KH 2020	TH 2020/TH 2019	TH2020/KH 2020
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	150,10	179,42	170,45	119,53%	105,26%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,67	3,97	3,97	108,17%	100%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	12,2		2.203,32	%	100%

## Bảng cơ cấu doanh thu

Doanh thu thuần	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	%Năm 2020/ Năm 2019
Doanh thu xây lắp, bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	150,09	179,43	119,50%

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Danh sách ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Mai Văn Tân	Giám đốc	
2	Ông Lưu Thanh Tùng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2019
3	Ông Trần Văn Hào	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/11/2019
4	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	
5	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng	



## Sơ yếu lý lịch



ÔNG MAI VĂN TÂN  
GIÁM ĐỐC

<b>Chức vụ</b>	Giám đốc
<b>Năm sinh</b>	1/1/1963
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Kỹ sư xây dựng đường sắt
<b>Quá trình công tác:</b>	
- Từ 04/1982 - 06/1985	Tập sự, kỹ thuật viên Đội đường 401 Quảng Ngãi thuộc Đoạn cầu đường Nghĩa Bình.
- Từ 06/1985 - 03/1990	Đội phó Đội đại tu Đường sắt 409 thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 03/1990 - 01/1998	Kỹ thuật viên, thống kê Đội QLĐS 409 Điều Trì thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 01/1998 - 09/2000	Bí thư chi bộ, Đội trưởng Đội QLĐS 409 Điều Trì thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 9/2000 - 03/2008	Phó trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư thuộc Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 03/2008 - 11/2015	Phó trưởng phòng TCCB - LĐ thuộc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 04/11/2015 - 30/11/2015	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 01/12/2015 - 07/01/2016	Giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 08/01/2016 - nay	Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.
<b>Số cổ phiếu sở hữu cá nhân</b>	5.840 cổ phiếu tương ứng 0,32% vốn điều lệ
<b>Số cổ phiếu được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam</b>	460.530 cổ phiếu tương ứng 25,5% vốn điều lệ



ÔNG LƯU THANH TÙNG  
PHÓ GIÁM ĐỐC

<b>Chức vụ</b>	Phó Giám đốc
<b>Năm sinh</b>	10/11/1979
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Kỹ sư xây dựng cầu đường, Cử nhân Quản trị Kinh doanh
<b>Quá trình công tác:</b>	
- Từ 10/2001 - 12/2003	Kỹ thuật viên Phòng kỹ thuật - Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình
- Từ 01/2004 - 12/2004	Kỹ thuật viên Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ - xây dựng công trình
- Từ 01/2005 - 03/2009	Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật Công ty QLĐS Nghĩa Bình
- Từ 04/2009 - 04/2017	Phó phòng Kỹ thuật - An toàn, Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
- Từ 05/2017 - 03/2019	Đội trưởng đội cầu đường Điều Trì, Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
- Từ 04/2019 - nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
<b>Số cổ phiếu sở hữu cá nhân</b>	2.920 cổ phần tương ứng 0,16% vốn điều lệ





**ÔNG NGUYỄN THANH  
HẢI  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Chức vụ** Phó Giám đốc  
**Năm sinh** 12/3/1969  
**Trình độ chuyên môn** Kỹ sư Kinh tế xây dựng Giao thông vận tải

**Quá trình công tác:**

- Từ 06/1988 – 06/1990 Công nhân phụ xe tải phòng Vật tư, Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình
- Từ 06/1990 – 08/1997 Công nhân lái xe phòng Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 08/1997 – 02/1998 Nhân viên phòng Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 02/1998 – 01/2004 Phó trưởng phòng Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 01/2004 – 01/2011 Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 26/01/2011 – 15/12/2011 Chánh văn phòng Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
- Từ 16/12/2011 – 07/01/2016 Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình
- Từ 08/01/2016 – nay Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

**Số cổ phiếu sở hữu cá nhân** 4.630 cổ phần tương ứng 0,26% vốn điều lệ



**ÔNG TRẦN VĂN HẢO  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Chức vụ** Phó Giám đốc  
**Năm sinh** 15/12/1975  
**Trình độ chuyên môn** Kỹ sư xây dựng cầu đường, Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

- 11/1992 – 6/2000 Công nhân duy tu đường sắt Đội đường 407 Phù Cát, Xí Nghiệp QLĐS Nghĩa Bình
- 06/2000 – 01/2004 Cung trưởng cung Vân Sơn, Đội 407, Công ty QLĐS Nghĩa Bình
- 01/2004 – 04/2016 Chuyên viên phòng kế hoạch – vật tư, Công ty QLĐS Nghĩa Bình
- 04/2016 – 01/2019 Phó trưởng phòng tổ chức – hành chính Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
- 02/2019 – 11/2019 Trưởng phòng tổ chức – hành chính Công ty QLĐS Nghĩa Bình
- 11/2019 – nay Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng tổ chức – hành chính Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

**Số cổ phiếu sở hữu cá nhân** 3.385 cổ phần tương ứng 0,19% vốn điều lệ





**BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG  
NHUNG**  
KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Chức vụ** Kế toán trưởng
- Năm sinh** 17/08/1976
- Trình độ chuyên môn** Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:**
  - Từ 06/1999 - 02/2012 Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán, Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình
  - Từ 03/2012 - 02/2014 Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình
  - Từ 03/2014 - 01/2015 Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
  - Từ 02/2015 - 07/01/2016 Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
  - Từ 08/01/2016 - nay Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.
- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân** 5.630 cổ phần tương ứng 0,31% vốn điều lệ



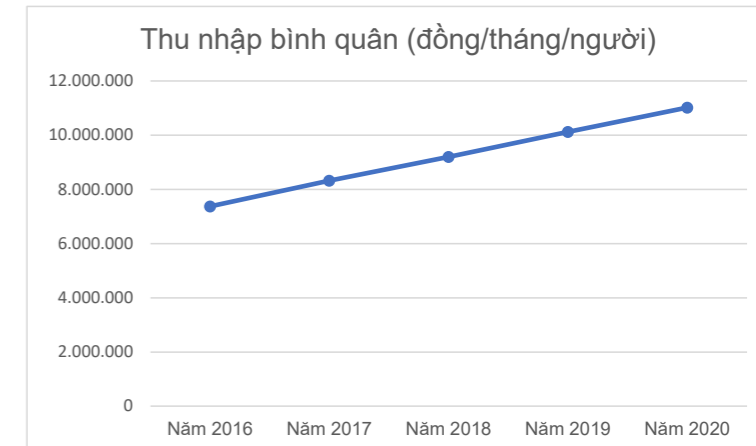
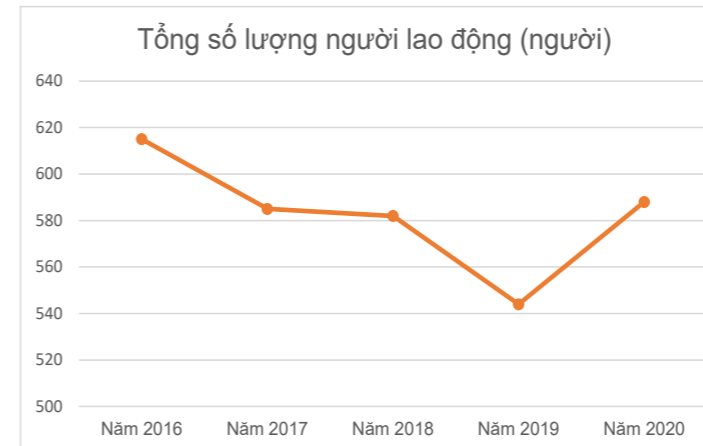
## Những thay đổi trong Ban Điều hành: không có

### Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>538</b>	<b>100</b>
1	Trình độ trên đại học	2	0,37
2	Trình độ đại học, cao đẳng	82	15,24
3	Trình độ trung cấp	71	13,2
4	Công nhân kỹ thuật	353	65,61
5	Lao động phổ thông	30	5,58
<b>II</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>538</b>	<b>100</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	459	85,32
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	0	0
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	79	14,68
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>538</b>	<b>100</b>
1	Nam	483	89,78
2	Nữ	55	10,22

### Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	615	585	582	544	588
Thu nhập bình quân (đồng/tháng/người)	7.370.000	8.320.000	9.197.000	10.117.000	11.012.000



# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Hệ số chỉ tiêu tài chính năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,18	1,12
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,08	0,80
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số nợ/tổng tài sản	%	67,69	75,48
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	209,46	307,9
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	24,54	10,79
Vòng quay tổng tài sản	vòng	2,23	2,09
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (ROS)	%	2,45	2,22
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	16,11	17,00
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân (ROA)	%	5,00	5,00
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	3,09	2,70

Trong năm 2020, Công ty có đầu tư mua sắm tài sản cố định gồm những tài sản sau:

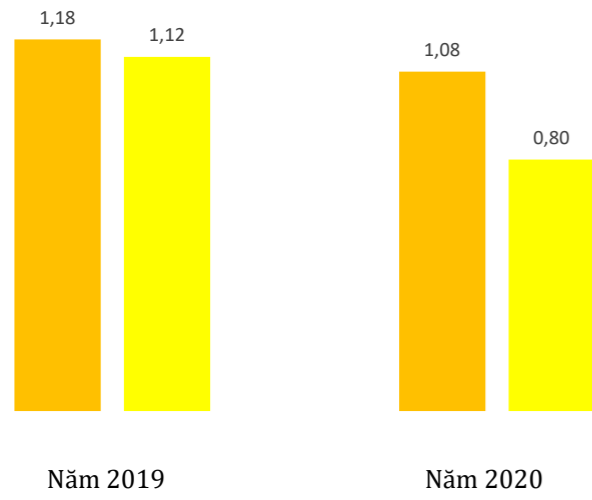
ĐVT: đồng

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>I Máy móc, thiết bị công tác</b>					
1	Máy chèn đường cơ cấu thủy lực model XYD-2AIII	Bộ	3	248.200.000	744.600.000
2	Máy khoan TVG cầm tay	Cái	8	109.500.000	876.000.000
3	Máy khoan ray TFR 330P	Cái	2	145.000.000	290.000.000
4	Máy cửa ray K1270	Cái	2	131.600.000	263.200.000
5	Dàn đèn phục vụ thi công PCB	Bộ	2	95.000.000	190.000.000
<b>II Phương tiện vận tải</b>					
1	Xe ô tô 16 chỗ Hyundai SOLATI	Xe	1	857.511.818	857.511.818





ĐVT: lần



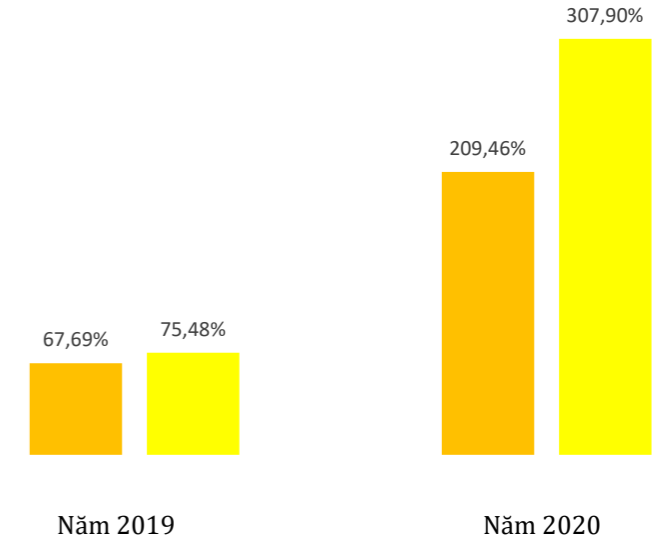
- Khả năng thanh toán ngắn hạn
- Khả năng thanh toán nhanh

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Nhìn chung hai chỉ tiêu khả năng thanh toán của Công ty đều dịch chuyển theo xu hướng giảm. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,18 lần (2019) xuống còn 1,12 lần (2020) và hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,08 lần (2019) xuống còn 0,80 lần (2020). Nguyên nhân dẫn đến hệ số thanh toán ngắn hạn giảm là do nợ ngắn hạn tăng. Trong khoản nợ ngắn hạn, chủ yếu là khoản phải trả người bán và người mua trả tiền trước tăng. Tuy các chỉ tiêu thanh toán có phần giảm so với năm 2019, nhưng Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Nhìn chung các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2020 không có sự cải thiện so với năm 2019, khi các chỉ tiêu đều tăng nhẹ. Cụ thể, hệ số nợ phải trả/tổng tài sản tăng từ 67,69% lên 75,48%, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu cũng tăng từ 209,46% lên 307,90%. Nguyên nhân chủ yếu nhờ Công ty gia tăng thêm các hợp đồng sửa chữa lắp đặt dẫn đến tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

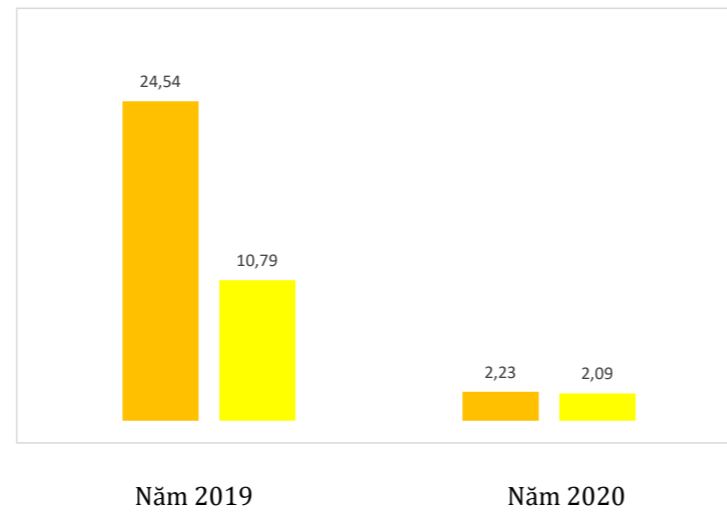


- Hệ số Nợ/Tổng tài sản
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản biến động nhiều vào năm 2020. Số vòng quay hàng tồn kho của NBR năm 2020 có sự giảm mạnh so với năm 2019, cụ thể là giảm 24,54 vòng xuống 10,79 vòng. Nguyên nhân là vì trong năm 2020, Công ty mua thêm các nguyên vật liệu để đảm bảo hoạt động kinh doanh. Mặt khác, khoản phải thu từ các hợp đồng mới tăng sắp xỉ 31 tỷ đồng dẫn đến tổng tài sản của NBR tăng lên tương ứng. Cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn duy trì ở mức ổn định.

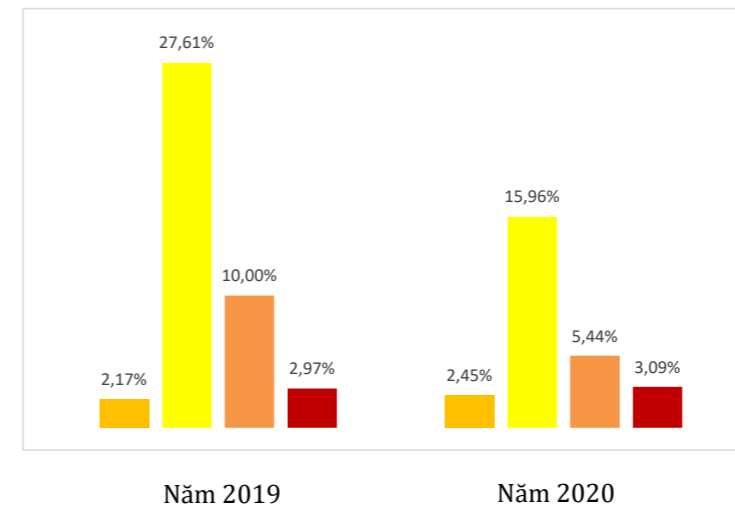
ĐVT: vòng



- Vòng quay hàng tồn kho
- Vòng quay tổng tài sản

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

ĐVT: %



- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/VTổng tài sản
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời như: ROS, ROE, ROA của Công ty trong năm 2020 biến động so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ tiêu ROE tăng nhưng không đáng kể tiếp theo là ROA vẫn giữ nguyên và ROS giảm 2,22%. Năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh và bão lũ miền trung nhưng Công ty đã kiểm soát khá tốt các khoản chi phí do áp dụng quản lý kỹ thuật, các nguồn nhân lực và chi phí phù hợp ... dẫn đến doanh thu NBR vẫn tăng trưởng so với cùng kỳ cụ thể Lợi nhuận sau thuế đạt 3,97 tỷ đồng tăng 8,36% so với năm trước.



# TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ

Thông tin cổ phần tại thời điểm:

Vốn điều lệ công ty: 18.060.000.000 đồng

Tổng cổ phiếu phát hành: 18.060 cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông (người)	Số lượng cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/ VDL
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>435</b>	<b>1.802.700</b>	<b>18.027.000.000</b>	<b>99,82</b>
1	Cổ đông nhà nước	1	921.060	9.210.600.000	51
2	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
3	Cổ đông cá nhân	434	881.640	8.816.400.000	48,82
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>2</b>	<b>3.300</b>	<b>33.000.000</b>	<b>0,18</b>
-	Cá nhân	1	200	2.000.000	0,01
-	Tổ chức	1	3.100	31.000.000	0,17
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Tổng cộng	437	1.806.000	18.060.000.000	100

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	921.060 cổ phiếu	51,00%

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Trong năm 2020, Công ty không thay đổi vốn điều lệ

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2020, Công ty không giao dịch cổ phiếu quỹ

Các chứng khoán khác: không có



# TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là các nguyên vật liệu, vật tư chuyên dùng như: Ray, Ghi, Tâm Ghi, Tà vẹt các loại, phụ kiện liên kết (lập lách, đinh, cóc,...) và các nguyên vật liệu thông thường khác như: Xi măng, Sắt, Cát, Đá,... Tất cả các nguyên vật liệu đều được mua sắm, kiểm nghiệm theo đúng quy chế quản lý vật tư, hàng hóa của Công ty và có nhãn hiệu, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được sử dụng đúng định mức quy định. Vì vậy, công ty luôn có những biện pháp chặt chẽ để kiểm soát đầu vào cũng như đầu ra, không để nguyên vật liệu bị thất thoát bất thường.

## Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng sử dụng trong quá trình hoạt động của Công ty gồm có Xăng, dầu, điện, nhưng việc sử dụng năng lượng trong quá trình hoạt động chiếm rất ít.

Chủ yếu năng lượng được dùng trong công tác vận hành một số máy móc thi công đường sắt sử dụng cho công tác kiểm tra, giám sát, phục vụ làm việc cho bộ máy gián tiếp Công ty.

Công ty luôn có sự quan tâm và tiết kiệm trong việc sử dụng và tiêu thụ năng lượng, kiểm soát các định mức, đánh giá mức độ năng lượng sử dụng định kỳ. Nếu xảy ra hiện tượng bất thường, NBR sẽ có những phát hiện sớm và tìm hiểu nguyên nhân từ đó đưa ra giải pháp khắc phục hiệu quả và ít tốn kém hơn so với trước đó.

## Tiêu thụ nước

Công ty ký hợp đồng mua nước tại các Công ty cung cấp nước sạch trên địa bàn hai tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi để phục vụ nước sinh hoạt cho các đơn vị trong toàn Công ty. Đối với những khu vực không có nước sạch, Công ty cung cấp thiết bị lọc nước nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Đối với những khu vực sản xuất cầu kiện bê tông thì sử dụng giếng khoan nơi có nguồn nước ngầm sạch nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm.

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty đã xây dựng kế hoạch thực hiện bảo vệ môi trường phổ biến trong toàn đơn vị.

Tuyên truyền vận động đến toàn thể CBCNV hưởng ứng, thực hiện nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường như ngày môi trường thế giới 05/6, ngày môi trường đường sắt ngày 05/11 và các chiến dịch khác về môi trường do nhà nước phát động

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không





## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Chính sách đào tạo

Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công nhân viên, thực hiện chính sách thu hút lao động. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ.

Cán bộ công nhân viên Công ty đều được đào tạo bài bản đầy đủ chứng chỉ liên quan đến nhiệm vụ của mình làm. Hằng năm, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề. Đồng thời tổ chức thi sát hạch đối với tất cả các chức danh làm công tác an toàn chạy tàu và vận hành các loại máy thi công đường sắt, đường bộ.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Công ty luôn Có những chính sách: thực hiện quy hoạch cán bộ nguồn trung và dài hạn, ưu tiên đào tạo nâng cao lớp cán bộ trẻ, được học tập trau dồi kĩ năng nghiệp vụ, thường xuyên cử đi các hội thảo chuyên môn để nâng cao hơn nữa năng lực quản lý.

### Chế độ lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Việc chăm lo, phát triển nguồn nhân lực tiếp tục được chú trọng. Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Công ty gắn liền theo từng chu kỳ và từng giai đoạn phát triển đảm bảo tính in hoạt, công bằng và luôn tạo điều kiện cho người lao động chuyên môn cao được hưởng lương xứng với cống hiến của họ. Công ty đảm bảo ổn định việc làm cho 100% người lao động; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động. Hằng năm, Công ty tổ chức các hoạt động vui chơi ngoài trời, nghỉ mát, các hoạt động văn nghệ thể dục thể thao,.. Công đoàn phối hợp với chính quyền phường thường xuyên quan tâm, trợ cấp cho người lao động khi gia đình gặp khó khăn, ốm đau, hiếu hỷ,.. nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV.

### Trách nhiệm vì cộng đồng và xã hội

Xây dựng môi trường làm việc năng động, thoải mái giúp người lao động phát huy hết năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến cho công ty. Xây dựng chính sách thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, chính sách đào tạo, chăm lo tinh thần cho người lao động hiệu quả.

Tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội kể cả việc hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: Phát triển kinh doanh, tạo thêm việc làm cho người kinh doanh tại địa phương và các tỉnh, thành phố lân cận; tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân tương ái, xây dựng nhà tình nghĩa, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn.

Trách nhiệm đối với cộng đồng và địa phương, chú trọng các hoạt động đầu tư phát triển cộng đồng và hỗ trợ tài chính phục vụ cộng đồng.



### Môi trường làm việc

Duy trì tổ chức các hoạt động văn hóa – thể thao ở các đơn vị cơ sở; tổ chức gần 100 cán bộ, viên chức lao động đi tham quan, du lịch, học tập trong và ngoài nước; tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện.

Trong năm 2020, Công ty đã tiếp tục sử dụng thực hiện một số ứng dụng phần mềm quản lý điều hành, duy trì họp giao ban và triển khai các Nghị quyết qua hệ thống trực tuyến đối với các đơn vị trực thuộc, một số sáng kiến, cải tiến hợp lý hóa sản xuất đã áp dụng vào sản xuất.

Trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động, kiểm soát cảnh báo an toàn thường xuyên trên tất cả các đơn vị của Công ty.

### Trách nhiệm vì môi trường cộng đồng

Tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội kể cả việc hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: Phát triển kinh doanh, tạo thêm việc làm cho người kinh doanh tại địa phương và các tỉnh, thành phố lân cận; tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân tương ái, xây dựng nhà tình nghĩa, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn.

Xây dựng môi trường làm việc năng động, thoải mái giúp người lao động phát huy hết năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến cho công ty. Xây dựng chính sách thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, chính sách đào tạo, chăm lo tinh thần cho người lao động hiệu quả. Trách nhiệm đối với cộng đồng và địa phương, chú trọng các hoạt động đầu tư phát triển cộng đồng và hỗ trợ tài chính phục vụ cộng đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

# III

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN  
XUẤT KINH DOANH  
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM  
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN  
ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ  
MÔI TRƯỜNG



# Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Trong năm, sự ra đời và phát triển của các dịch vụ vận tải hàng không giá rẻ và đường bộ cao tốc tạo ra áp lực cạnh tranh rất lớn làm giảm thị phần của vận tải đường sắt. Nhưng với những nỗ lực phát triển về dịch vụ vận tải đường sắt, sự đoàn kết và những cố gắng, nỗ lực của CBCNV thì Công ty có những thành tựu đạt được như sau: Doanh thu thuần đạt gần 180 tỷ đồng, tăng 19,54% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng 8,45% so với cùng kỳ và đạt kế hoạch đề ra.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2019	TH 2020	KH 2020	%TH2020/TH 2019	%TH2020/KH2020
Tổng tài sản	Tỷ đồng	72,76	98,96	-	135,99%	-
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	150,10	179,43	-	119,54%	-
Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	4,64	4,84	-	104,31%	-
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	-0,04	-0,18	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,6	4,7	-	102,17%	-
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,67	3,98	3,97	108,47%	100,25%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	12,20	12,20	12,20	100%	100%

## Thuận lợi

Hội đồng quản trị Công ty cũng đã quan tâm chỉ đạo sát sao, các thành viên thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, bám sát tình hình sản xuất, đưa ra các quyết định kịp thời trong các mặt hoạt động của Công ty, trong đó chú trọng công tác nâng cao công nghệ, tiết giảm chi phí, gia tăng lợi nhuận trong hoạt động SXKD.

Trong điều kiện SXKD gặp nhiều khó khăn, Ban giám đốc chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD; các phòng tham mưu Công ty và các đơn vị thành viên đã có nhiều cố gắng, phát huy tinh thần trách nhiệm, thực hiện nhiệm vụ đảm bảo tiến độ.

Công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt diễn biến phức tạp nhất là các vị trí đường ngang biển báo, lối đi tự mở và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

Mặc dù vậy tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người lao động của Công ty thực sự đoàn kết nhất trí, ý thức trách nhiệm cao đưa Công ty vượt qua khó khăn để sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

## Khó khăn

Năm 2020 là năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn; ngành đường sắt chịu tác động nặng nề từ đại dịch COVID-19, đồng thời bão lũ xảy ra tại miền Trung vừa qua đã khiến sản lượng vận tải hành khách sụt giảm nghiêm trọng, hư hại vật chất và sẽ gặp nhiều khó khăn trong những năm tới.

Cạnh tranh gay gắt với các phương tiện vận tải khác (đường bộ, đường hàng không,..)

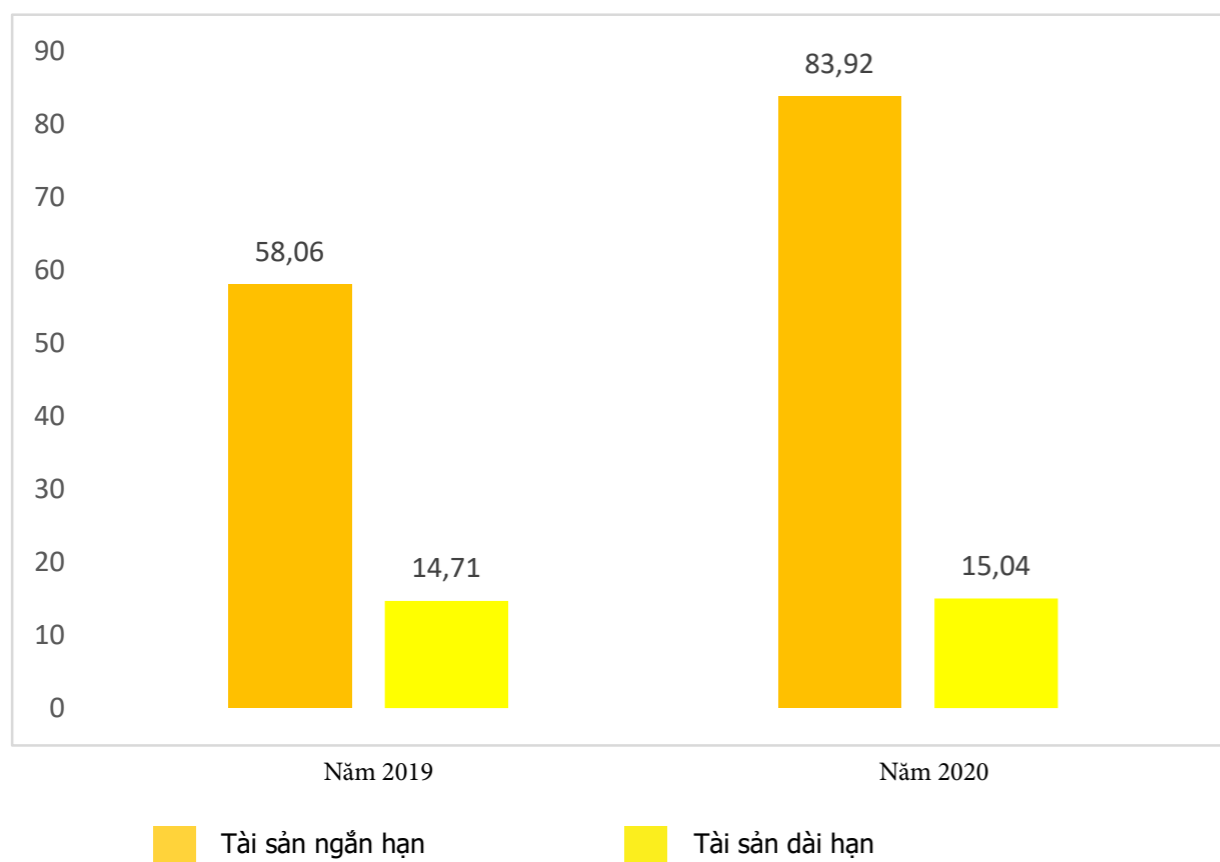


# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

ĐVT: đồng

Chỉ số	Đơn vị tính	31/12/2019	31/12/2020
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	58,06	83,92
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	14,71	15,04
<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>72,77</b>	<b>72,77</b>

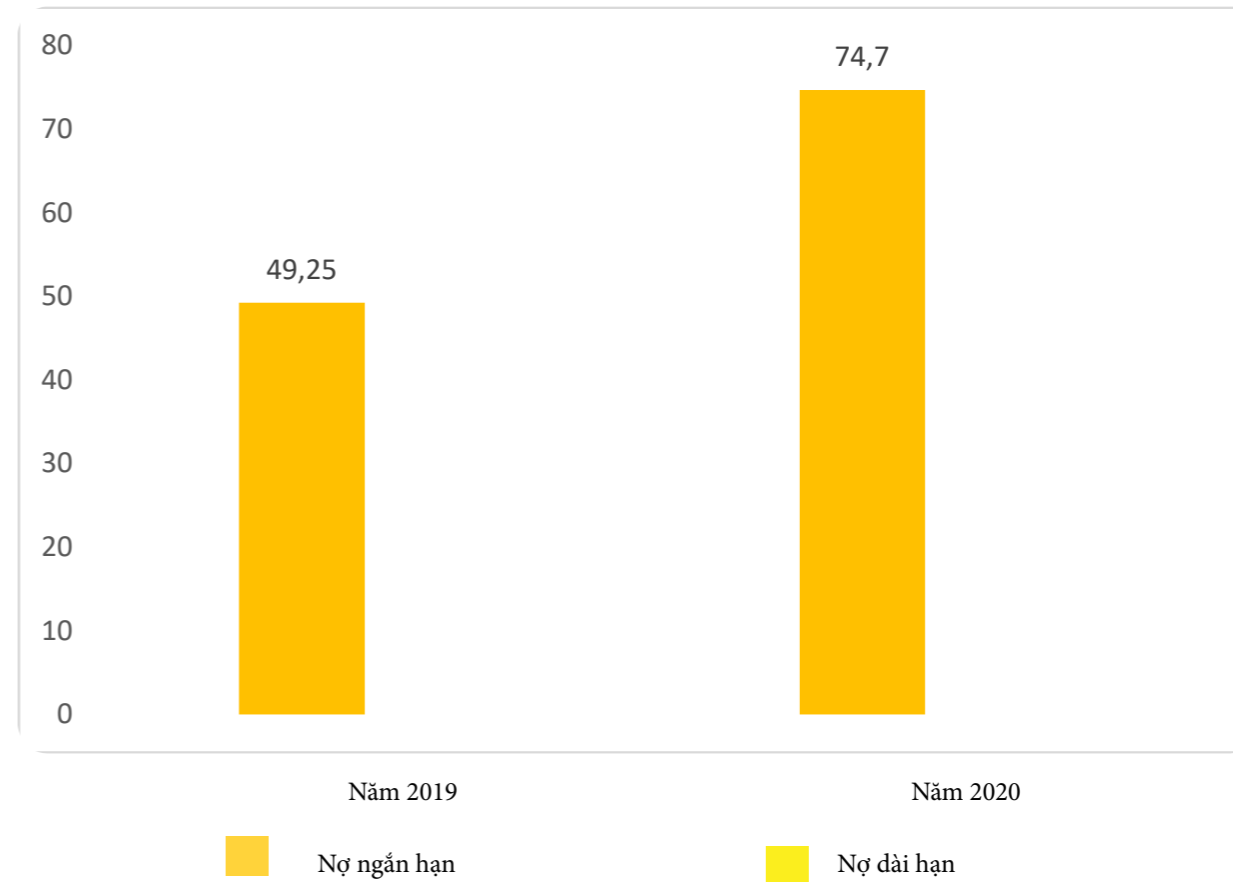


Trong năm 2020, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn của Công ty đều tăng so với năm 2019, kéo theo Tổng tài sản của Công ty tăng sấp xỉ 36% cùng kỳ năm trước. Xét về cơ cấu tổng tài sản, tài sản ngắn hạn tăng là do Công ty nhận thêm hợp đồng các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng tại các đoạn đường có khoản phải thu từ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam là khoảng 46 tỷ đồng chiếm phần lớn trong tài sản ngắn hạn của Công ty.

## Tình hình nợ phải trả

ĐVT: đồng

Chỉ số	Đơn vị tính	31/12/2019	31/12/2020
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	49,25	74,7
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	0	0
<b>Tổng nợ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>49,27</b>	<b>74,7</b>



Trong năm 2020, Tổng nợ phải trả của Công ty tăng so với năm 2019. Công ty không có khoản nợ dài hạn nhưng nợ ngắn hạn có xu hướng tăng so với năm 2019 là 51,67% đạt giá trị 74 tỷ đồng do Công ty đã thanh toán khoản mục trả tiền cho người bán và khoản mục người mua trả tiền trước tăng đồng thời chi phí nhân công tăng cũng vì các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng nhiều hơn.



# ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÔNG TY

Bước vào năm kế hoạch, Công tác quản lý trong được Ban Giám đốc đã xác định rõ những khó khăn, thuận lợi và nhiệm vụ cơ bản, từ đó xây dựng các biện pháp kịp thời và hiệu quả, đạt được doanh thu và lợi nhuận cao nhất. Công tác quản lý của Ban Lãnh đạo luôn tạo điều kiện và cơ hội cho người lao động có những đãi ngộ tốt nhất về môi trường cũng như phúc lợi xã hội. Các thành viên trong công tác quản lý công ty tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao

Trong năm 2020, Công ty đã chủ động trong công tác tiếp thị đấu thầu các dự án do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam làm chủ đầu tư, tiếp thị nhận thầu để tìm kiếm việc làm cho cán bộ công nhân viên. Đồng thời, chủ động tham gia đấu thầu một số gói thầu, dự án phù hợp với năng lực của Công ty.

Kết quả đạt được, Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, SXKD đạt hiệu quả kinh tế, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, quyền lợi của cổ đông được đảm bảo.

Ban điều hành Công ty luôn bám sát các Chủ đầu tư để giải quyết các vướng mắc đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình đã và đang thi công, bảo đảm đủ nguồn vốn cho hoạt động SXKD. Tuy nhiên, một số công trình còn vướng mắc về cơ chế thanh toán với chủ đầu tư nên chưa giải quyết dứt điểm dẫn đến dở dang, công nợ chưa thanh toán.

Năm 2020, Công ty hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao; Vốn chủ sở hữu được bảo toàn; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước; quyền lợi của cổ đông được đảm bảo; Thực hiện tốt công tác trả lương và các chế độ cho người lao động, thu nhập và đời sống của người lao động được nâng lên.



# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

## Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trên cơ sở định hướng phát triển chung của Công ty, Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ công tác như sau:

Chú trọng công tác xây dựng kế hoạch phát triển, bồi dưỡng và đào tạo lực lượng lao động có tay nghề, bậc thợ cao, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng cường công tác quản trị giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thực hiện hoàn thành 100% mục tiêu tiến độ, chất lượng thi công tại các công trình, đặc biệt phải đạt được mục tiêu tiến độ đề ra, chất lượng công trình quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt, giữ vững công lịch tốc độ, tải trọng và đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu

Triển khai thực hiện tiếp thị đấu thầu tìm kiếm thêm nguồn việc, bổ sung giá trị sản lượng. Tăng cường tiếp thị đấu thầu lĩnh vực xây dựng cơ bản, dịch vụ nhà hàng

Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác quyết toán với Chủ đầu tư, đẩy mạnh công tác nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành; thanh toán, quyết toán dứt điểm các công trình đã thi công hoàn thành những năm trước. Nghiên cứu và áp dụng các công nghệ thi công mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động. Tiếp tục xây dựng các biện pháp, giải pháp để quản lý chi phí trực tiếp, tiết kiệm chi phí giá thành sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Triển khai thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, quy trình trong công tác tổ chức cán bộ và công tác tài chính kế toán, sử dụng vật tư. Sử dụng vốn có hiệu quả phục vụ sản xuất kinh doanh.

Nâng cao quản trị chất lượng nội bộ. Hệ thống giám sát nội bộ tiếp tục được củng cố để kiểm soát chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm đảm bảo nhất quán trong việc kiểm soát chất lượng của mọi sản phẩm dịch vụ.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	195,54
Sản lượng	Tỷ đồng	215,204
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,98
Tỉ lệ trả cổ tức	%	12,2

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý công ty nhằm phục vụ: công tác thi đua – khen thưởng.

Triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động liên quan đến kết cấu hạ tầng đường sắt để đảm bảo an toàn tuyệt đối; không có tai nạn, sự cố chạy tàu do chủ quan, hạn chế thấp nhất các vụ việc sự cố, tai nạn chạy tàu do khách quan; không để xảy ra tai nạn lao động chết người, giảm số vụ tai nạn lao động nặng

Giới thiệu, bổ nhiệm cán bộ đối với nguồn nhân sự tại chỗ;

Văn thư và lưu trữ tốt hơn;

Công tác phối hợp giữa Ban chấp hành Đảng bộ với Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty phù hợp với mô hình sản xuất mới.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đầu tư thêm máy móc thiết bị, sử dụng hiệu quả các loại máy móc thiết bị hiện có. Khai thác và sử dụng hệ thống camera hỗ trợ công tác đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông đường sắt tại các điểm chắn đường có gác. Rà soát, bổ sung quản lý kỹ thuật cầu, đường, hầm, ghi và các công trình kiến trúc toàn tuyến trên máy tính kèm theo tài liệu, hình ảnh.

Chỉ đạo và tiếp tục rà soát quản lý, sử dụng khai thác có hiệu quả các loại máy công trình, thiết bị thi công cơ giới hóa trong công tác sửa chữa kết cấu hạ tầng.

## Kế hoạch mua sắm máy móc, thiết bị năm 2021

STT	Tên tài sản	Số lượng
01	Toa xe gắn cầu chuyên dùng	01



# ĐÁNH GIÁ VỀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG

Mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban lãnh đạo khuyến khích toàn bộ người lao động phải luôn đi đầu trong các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội bằng những hành động thiết thực, hiệu quả như: Tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của Công ty.





# IV

## BÁO CÁO CỦA BAN- QUẢN TRỊ

---

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT CỦA CÔNG TY  
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT CỦA BAN GIÁM ĐỐC  
KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Trong năm, được sự quan tâm từ Chính quyền địa phương, Tổng Công ty, cùng sự quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên đã hoàn thành:

Hoàn thành thực hiện Điều lệ của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, các Quy chế phối hợp công tác giữa Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

Hội đồng quản trị lãnh đạo, giám sát Ban Điều hành Công ty triển khai thực hiện vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã thông qua.

Đảm bảo công tác an toàn chạy tàu, an ninh trật tự, an toàn các công trình và triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông đường sắt và các phong trào thi đua để chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của ngành và của Công ty;

Sắp xếp lại các tổ chức, nhân lực của các phòng nghiệp vụ: Các Cung, Đội, Xí nghiệp giảm đầu môi, giảm lao động, tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên;

Tiếp tục giữ vững đoàn kết nội bộ Công ty, không để xảy ra đơn thư, khiếu nại;

Thực hiện chính sách, tổ chức tốt các hoạt động chăm lo đời sống CBNV – NLD Công ty.

Công tác kiểm tra, sửa chữa các điểm xóc lắc của các đơn vị có nhiều cố gắng, giữ vững chất lượng cầu đường;

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Một số vấn đề khắc phục:

## Hoạt động giám sát

Năm 2020 là một năm khó khăn của các nền kinh tế trên toàn thế giới rơi vào tình trạng suy thoái, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỉ qua. Kéo theo đó các ngành cũng bị ảnh hưởng theo. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn. Bằng sự quyết tâm và đoàn kết từ Ban Giám đốc đến cán bộ công nhân viên, Công ty đã cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra, một số chỉ tiêu tài chính vượt kế hoạch đề ra

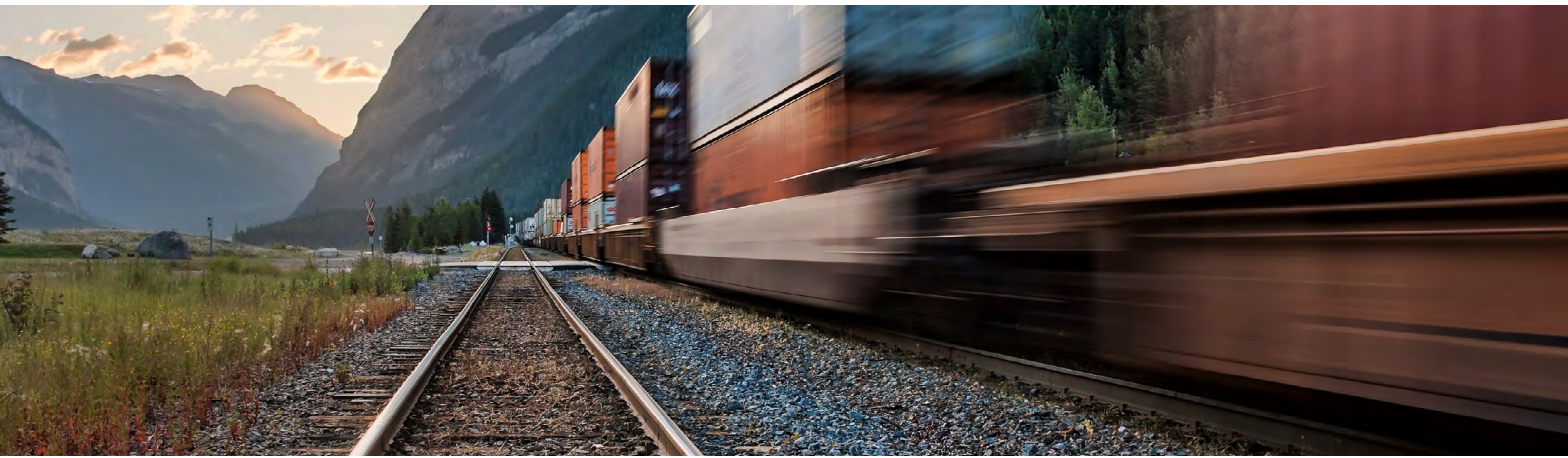
Công tác điều hành được phân công cụ thể và chỉ đạo quyết liệt, bám sát phương hướng và kế hoạch hoạt động theo Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và định hướng của Hội đồng quản trị.

Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát.

Trong lãnh đạo công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt: Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành cần thực hiện tốt việc phối hợp với các cấp chính quyền địa phương. Thực hiện tốt công tác an toàn giao thông đường sắt, an ninh trật tự, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường. Trong năm, Công ty đã nỗ lực rào chắn và cấm toàn bộ biển báo các lối đi tự mở, nhưng vẫn nằm ở mức giảm thiểu tai nạn. Những tiềm ẩn về nguy cơ mất an toàn chạy tàu ở các đường ngang không gác, lối đi tự mở vẫn còn ;

Tình trạng tái lấn chiếm hành lan an toàn giao thông đường sắt vẫn còn; do nguồn vốn để thực hiện các công trình, dự án còn hạn chế eo hẹp nên không đủ chi phí xây dựng thêm công trình ngoài.

Công tác tham mưu của một số phòng chuyên môn nghiệp vụ đôi lúc chưa nhạy bén, giải quyết công việc chưa được tốt; Các đơn vị cần tăng cường công tác kiểm tra, quản lý chặt chẽ, nhất là lực lượng làm công tác an toàn.



## Kết quả hoạt động giám sát

### Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

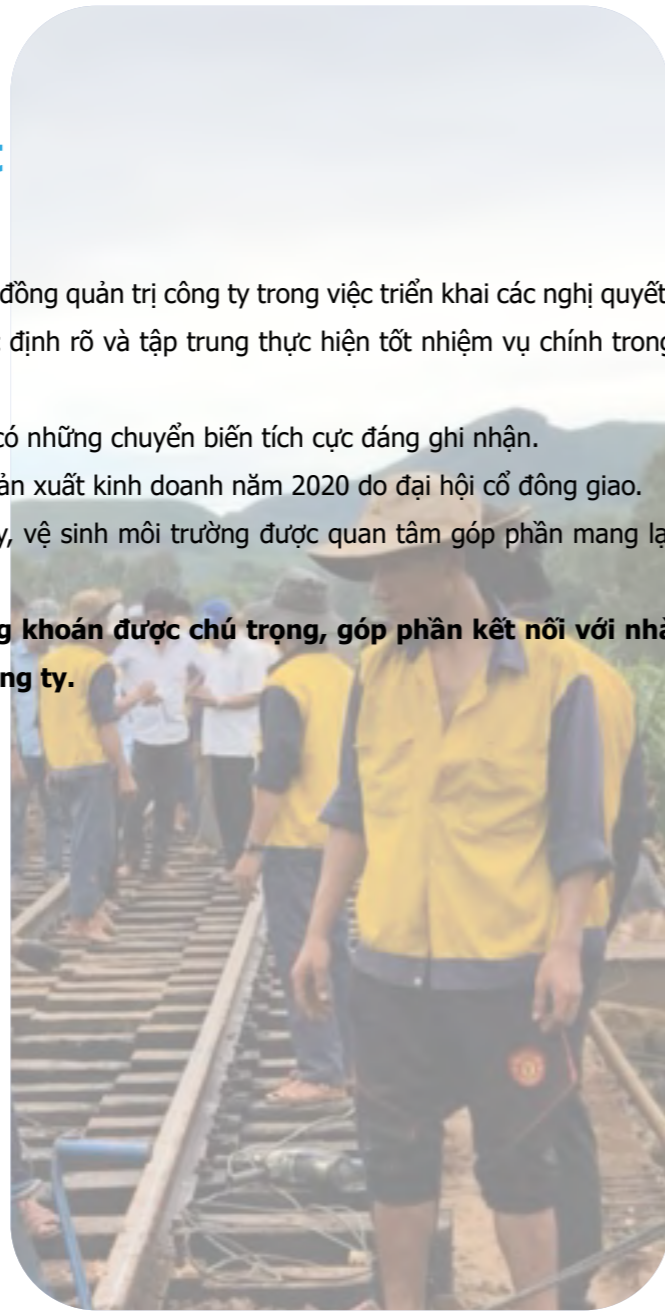
Đã tuân thủ bám sát định hướng, ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị công ty trong việc triển khai các nghị quyết, kết luận chỉ đạo thực hiện các công việc. Chủ động xác định rõ và tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ chính trong công tác điều hành năm 2020.

Khép lại năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty có những chuyển biến tích cực đáng ghi nhận.

Thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 do đại hội cổ đông giao.

Công tác giữ gìn an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường được quan tâm góp phần mang lại hiệu quả, tạo sự an tâm cho khách hàng.

**Công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được chú trọng, góp phần kết nối với nhà đầu tư về hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.**



## Nhiệm vụ trọng tâm năm 2021:

Trên cơ sở nhận định những thuận lợi và khó khăn trong năm 2020 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời xác định năm 2021 sẽ là một năm còn nhiều khó khăn đối với hoạt động SXKD của Công ty. Công ty triển khai thi công trong năm 2021. Hội đồng quản trị xác định nhiệm vụ trong năm 2021, Cụ thể như sau:

Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, an toàn lao động, an ninh trật tự, kiểm chế và giảm dần tai nạn giao thông đường sắt do khách quan so với năm 2021.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý Công ty, làm cơ sở pháp lý cho Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, kiện toàn cơ cấu tổ chức, củng cố, sắp xếp mô hình quản lý, phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty trong thời gian tới để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao nhất. Đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng thi công tại các công trình, đặc biệt phải đạt được mục tiêu tiến độ, chất lượng công trình quản lý. Bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.

Phối hợp cùng Ban Kiểm soát Công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đạt được độ an toàn về tài chính, đảm bảo dòng tiền lành mạnh và bảo toàn vốn, minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định.

Chỉ đạo, tổ chức các hoạt động nhân các ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn trong năm 2021.



Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt công tác SXKD năm 2021 nhằm phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra, trong đó đặc biệt đẩy nhanh tiến độ, chất lượng, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và phải đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu của hoạt động quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

Tiếp thị đấu thầu tìm kiếm thêm nguồn việc, bổ sung giá trị sản lượng. Tăng cường tiếp thị đấu thầu lĩnh vực xây dựng cơ bản, dịch vụ nhà hàng.

Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác thanh quyết toán với Chủ đầu tư đẩy mạnh công tác nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, thanh quyết toán dứt điểm các công trình đã thi công hoàn thành những năm trước.

Nghiên cứu và áp dụng các công nghệ thi công mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động. Tiếp tục xây dựng các biện pháp, giải pháp để quản lý chi phí trực tiếp, tiết kiệm chi phí giá thành sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thực hiện kịp thời chi trả tiền lương và chế độ cho người lao động. Đảm bảo mức trả cổ tức hằng năm cho các cổ đông. Xây dựng Quy chế trả lương Trung tâm dịch vụ Văn hóa - Thể thao đường sắt.

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, quy trình trong công tác. Tổ chức cán bộ và công tác tài chính kế toán, vật tư. Sử dụng đồng vốn có hiệu quả phục vụ sản xuất kinh doanh.

Chăm lo đời sống cán bộ nhân viên và người lao động, đảm bảo thu nhập bình quân người lao động tăng 10% so với năm 2021.

Tổ chức phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2021 hướng tới kỷ niệm các ngày lễ, sự kiện chính trị - văn hóa - xã hội quan trọng của đất nước, của ngành, của Công ty.



# KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sau khi xem xét tình hình thực hiện các chỉ tiêu và cân nhắc các nhân tố tác động, HĐQT đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2020	KH 2021	% KH 2020/TH2019
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	179,426	195,94	109,00%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,98	3,98	100,00%
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	12,20	12,20	100,00%

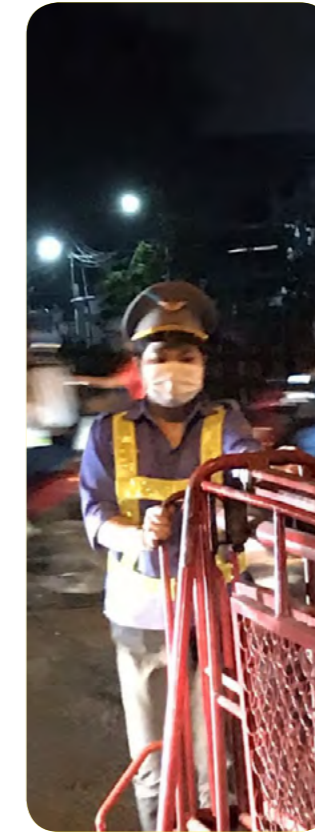
## Các kế hoạch định hướng 2021:

Trên cơ sở nhận định những thuận lợi và khó khăn trong năm 2021 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, đồng thời xác định yếu tố nội lực về tài chính, nguồn nhân lực của Công ty cũng như xét đến các công việc mà Công ty triển khai thi công trong năm 2021. Hội đồng quản trị xác định nhiệm vụ trong năm 2021, cụ thể:

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý điều hành, làm cơ sở pháp lý cho Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, kiện toàn cơ cấu tổ chức, xây dựng định biên bộ máy gián tiếp phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mang lại hiệu quả cao nhất.

Phối hợp với Ban kiểm soát tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đạt được độ an toàn về tài chính, minh bạch hoá các hoạt động theo đúng quy định.

Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra, trong đó đặc biệt đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu trong hoạt động quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.





V

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

---

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
BAN KIỂM SOÁT  
CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên HĐQT
1	Ông Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Mai Văn Tân	Thành viên HĐQT	
3	Ông Trần Văn Hào	Thành viên HĐQT	



**ÔNG NGUYỄN THÁI LINH  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Chức vụ** Chủ tịch HĐQT  
**Năm sinh** 14/05/1961  
**Trình độ chuyên môn** Kỹ sư

### Quá trình công tác

Từ 04/1982 – 03/1990 Kỹ thuật viên – Phân đoạn đường đèo Hải Vân, Phó bí thư Đoàn TN Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam Đà Nẵng

Từ 04/1990 – 08/2000 Phó Bí thư, Bí thư Đoàn TN Xí nghiệp Liên hợp vận tải Đường sắt Khu vực II.

Từ 09/2000 – 09/2010 Phó trưởng Phân ban Quản lý Cơ sở hạ tầng Đường sắt Khu vực II.

Từ 16/09/2010 – 11/2015 Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình.

Từ 01/12/2015 – 07/01/2016 Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình.

Từ 08/01/2016 - nay Chủ tịch HĐQT CTCP Đường sắt Nghĩa Bình.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đá Mỹ Trang

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân 48.119 cổ phiếu tương ứng 2,66% vốn điều lệ

Số cổ phiếu được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam 460.530 cổ phiếu tương ứng 25,5% vốn điều lệ

**ÔNG MAI VĂN TÂN  
THÀNH VIÊN HĐQT**

Thông tin như đã nêu tại mục Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

**ÔNG TRẦN VĂN HẢO  
THÀNH VIÊN HĐQT**

Thông tin như đã nêu tại mục Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

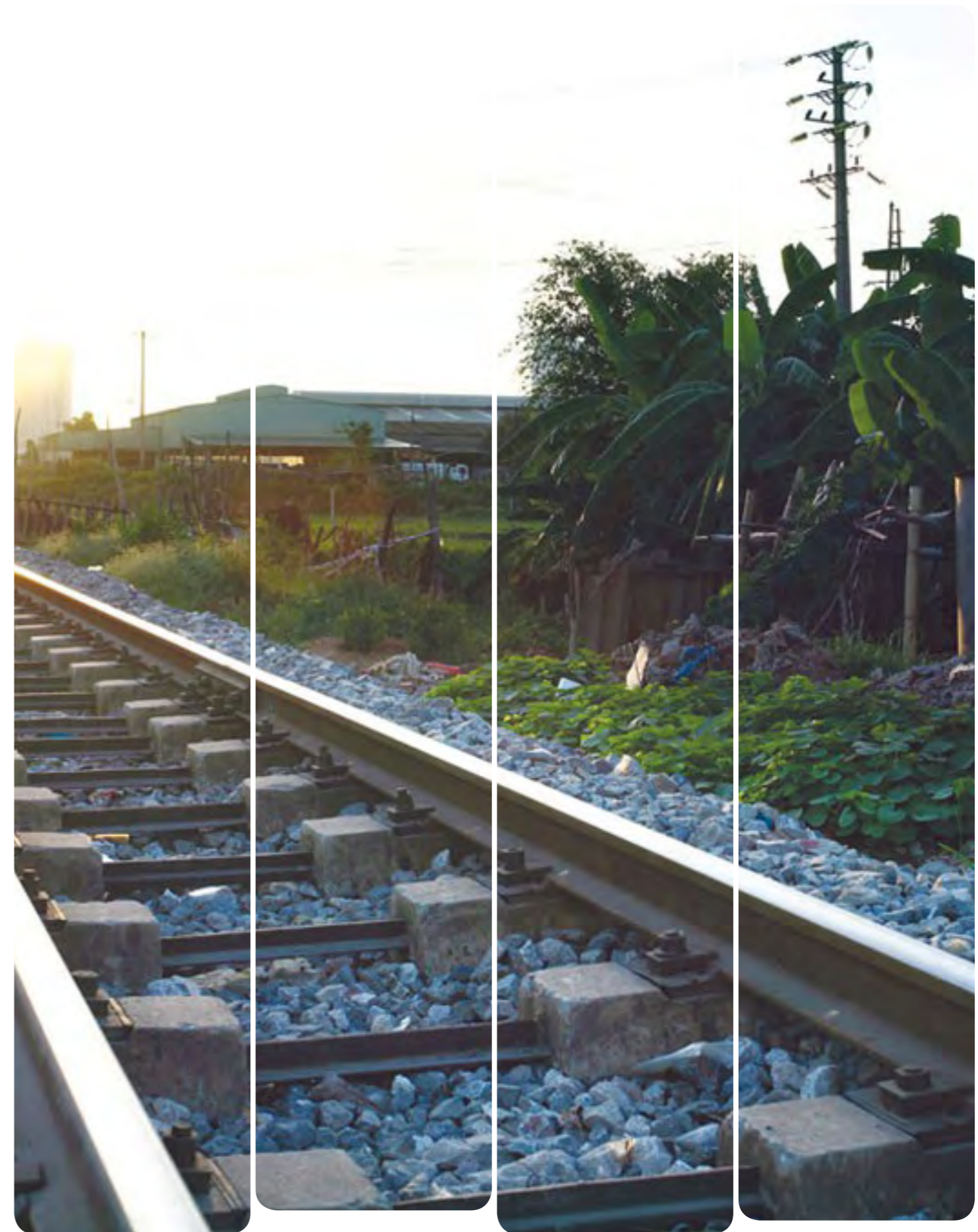


## Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các nghị quyết, quyết định:

STT	Số Nghị quyết	Thời gian	Ghi chú
1	01/NQ-HĐQT	16/1/2020	Nghị quyết v/v thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020
2	03/NQ-HĐQT	17/4/2020	Nghị quyết v/v thay đổi kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
3	04/NQ-HĐQT	23/4/2020	Nghị quyết v/v thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I năm 2020 và công tác sản xuất kinh doanh quý II năm 2020
4	07/NQ-HĐQT	23/6/2020	Nghị quyết v/v chi trả cổ tức năm 2019
5	09/NQ-HĐQT	22/7/2020	Nghị quyết v/v thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 và công tác sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2020
6	10/NQ-HĐQT	13/10/2020	Nghị quyết v/v thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III năm 2020 và công tác sản xuất kinh doanh Quý IV năm 2020
7	11/NQ-HĐQT	26/10/2020	Nghị quyết v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị  
Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT, chỉ phân công từng thành viên HĐQT theo dõi từng lĩnh vực chuyên môn.







**BÀ LƯU THỊ MINH HẰNG  
TRƯỞNG BAN KIỂM  
SOÁT**

**Chức vụ** Trưởng Ban kiểm soát

**Năm sinh** 17/3/1987

**Trình độ** Thạc sĩ Kế toán, Cử nhân Kinh tế

**chuyên môn**

**Quá trình công tác:**

Từ 11/2009 – Thống kê Đội quản lý xây dựng Cầu đường Bông  
6/2010 Sơn

Từ 07/2010 – Thống kê xí nghiệp kinh doanh dịch vụ - xây dựng  
4/2014 công trình

Từ 4/2014 – Kế toán Trung tâm dịch vụ văn hóa – thể thao  
05/11/2019 đường sắt

Từ 06/11/2019 - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần đường sắt  
nay Nghĩa Bình

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân 1.030 cổ phần tương ứng 0,06% vốn điều lệ



**ÔNG PHAN MINH TRUNG  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM  
SOÁT**

**Chức vụ** Thành viên Ban kiểm soát

**Năm sinh** 9/11/1980

**Trình độ chuyên môn** Kỹ sư xây dựng cầu đường

**Quá trình công tác:**

Từ 12/1999 Công nhân duy tu sửa chữa cầu, Đội quản lý xây  
dựng (QLXD) cầu 406 Bông Sơn, Công ty QLĐS Ng-  
hĩa Bình

Từ 01/2004 - Thống kê Đội QLXD cầu 406 Bông Sơn, Công ty  
12/2004 QLĐS Nghĩa Bình

Từ 01/2005 - Công nhân duy tu sửa chữa cầu đường sắt Đội QLXD  
30/11/2010 cầu đường Bông Sơn, Công ty QLĐS Nghĩa Bình

Từ 01/12/2010 - Chuyên viên, Phòng Tổ chức – Hành chính, CTCP  
10/04/2017 Đường sắt Nghĩa Bình

Từ 11/04/2017 – Chuyên viên, Phòng Tổ chức – Hành chính, CTCP  
27/03/2018 Đường sắt Nghĩa Bình kiêm Thành viên Ban kiểm  
soát Công ty

Từ 28/03/2018 - Phó Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, CTCP  
nay Đường sắt Nghĩa Bình kiêm thành viên Ban kiểm  
soát Công ty.

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân 1.880 cổ phần tương ứng 0,1% vốn điều lệ

# BAN KIỂM SOÁT

## Cơ cấu thành viên ban kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Lưu Thị Minh Hằng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Phan Minh Trung	Thành viên Ban kiểm soát
2	Bạch Khôi Tinh	Thành viên Ban kiểm soát



**ÔNG BẠCH KHÔI TINH  
THÀNH VIÊN BKS**

**Chức vụ** Thành viên ban kiểm soát

**Năm sinh** 13/8/1981

**Trình độ chuyên môn** Kỹ sư xây dựng cầu đường,

**Quá trình công tác:**

Từ 08/2008 - 05/2010 Nhân viên Công ty CP Xây dựng và  
Thương mại Hồng Long

Từ 12/2010 - 03/2011 Nhân viên Công ty Vận tải và Xây  
dựng Tranco

Từ 04/2011 - 01/2014 Nhân viên Công ty CP Xây dựng và  
Thương mại Phan Văn

Từ 03/2014 - 10/04/2017 Nhân viên Công ty CP Đường sắt  
Nghĩa Bình

Từ 11/04/2017 - nay Nhân viên Công ty CP Đường sắt  
Nghĩa Bình kiêm Thành viên Ban  
Kiểm soát Công ty

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân 995 cổ phần tương ứng 0,05% vốn  
điều lệ





## Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong SXKD; tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của Doanh nghiệp và các thành phần có liên quan khác.

Hội đồng quản trị phối hợp và hỗ trợ Ban điều hành giải quyết những vướng mắc với các đối tác trong công tác thanh toán, công tác kinh tế, đầu tư và tìm kiếm việc làm. Thường xuyên thảo luận giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Ban điều hành để đạt được sự thống nhất cao trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành.

Các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập đều có sự tham dự đầy đủ của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Nội dung cuộc họp thảo luận xoay quanh định hướng và giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình sản xuất tại đơn vị. Các cuộc họp được chuẩn bị chu đáo và được ghi lại biên bản họp, lưu trữ cẩn thận. Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng trình tự theo quy chế nội bộ và Điều lệ Công ty quy định.



## Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Ban giám đốc

Ban Giám đốc thường xuyên tổ chức họp giao ban định kỳ. Nội dung họp tập trung triển khai các định hướng của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và Hội đồng quản trị; giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý của Ban Giám đốc.



## Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bộ quản lý

Công tác quản lý vốn và tài sản, quản lý chất lượng, tiến độ sản phẩm công trình xây dựng, quản lý đầu tư, quản lý lao động... theo đúng các quy định của Pháp luật Nhà nước, Quy định của Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty. Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, quy định phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc. Đảm bảo sự điều hành không chồng chéo, các quy định ban hành phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước.

Công tác hoạch định chính sách, chỉ đạo quản lý tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Các văn bản Quy chế quản lý nội bộ Công ty đã được ban hành cho phù hợp với quy định của Pháp luật và yêu cầu thực tế công tác quản lý SXKD.



# CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO

## Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích

ĐVT: đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập
<b>I. Hội đồng quản trị</b>			
1	Ông Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch HĐQT	491.200.800
2	Ông Mai Văn Tân	Thành viên HĐQT kiêm GD	427.883.900
3	Ông Trần Văn Hào	Thành viên HĐQT Phó GD	365.381.700
<b>II. Ban kiểm soát</b>			
1	Bà Lưu Thị Minh Hằng	Trưởng ban	257.364.700
2	Ông Phan Minh Trung	Thành viên	287.732.700
3	Ông Bạch Khôi Tinh	Thành viên	217.938.200
<b>III. Ban điều hành</b>			
1	Ông Lưu Thanh Tùng	Phó GD	347.424.550
2	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó GD	358.711.300
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng	375.062.100

## Các giao cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Người giao dịch	Chức vụ	Mua	Ngày thực hiện	Số lượng cổ phiếu sau giao dịch (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch HĐQT	3.890	21/2/2020	60.769	3,36
Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch HĐQT	2.510	6/1/2020	56.879	3,15
Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch HĐQT	6.150	6/1/2020	54.369	3,01
Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch HĐQT	100	3/1/2020	48.219	2,67





# VI

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## MỤC LỤC

### Báo cáo của Ban Giám đốc

### Báo cáo kiểm toán độc lập

### Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình tiền thân là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được thành lập theo Quyết định số 876/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 713/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100259405 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi mới là Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259405 ngày 08 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch
Ông Mai Văn Tân	Thành viên
Ông Trần Văn Hào	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mai Văn Tân	Giám đốc
Ông Lưu Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Hào	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Bình Định, ngày 22 tháng 02 năm 2021



Mai Văn Tân



Số: 30/2021/BCKT-AASCN

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Kiểm toán viên

Nguyễn Huy Hoàng

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4531-2018-152-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>83.918.042.589</b>	<b>58.056.829.973</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.568.643.996</b>	<b>564.893.277</b>
1.	Tiền	111	V.01	7.568.643.996	564.893.277
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>52.014.127.193</b>	<b>52.467.186.762</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	52.167.844.332	51.472.185.628
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	18.782.000	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	968.416.861	2.135.917.134
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.140.916.000)	(1.140.916.000)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>24.335.271.400</b>	<b>5.024.749.934</b>
1.	Hàng tồn kho	141		24.335.271.400	5.024.749.934
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>15.042.683.307</b>	<b>14.710.912.547</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.871.445.381</b>	<b>12.012.907.413</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	12.871.445.381	12.012.907.413
	- Nguyên giá	222		32.527.268.545	29.305.956.727
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19.655.823.164)	(17.293.049.314)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.171.237.926</b>	<b>2.698.005.134</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	2.171.237.926	2.698.005.134
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>98.960.725.896</b>	<b>72.767.742.520</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>74.699.736.133</b>	<b>49.253.223.650</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>74.699.736.133</b>	<b>49.253.223.650</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	31.986.610.404	14.472.999.708
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	8.460.759.000	285.823.600
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.228.414.890	3.833.387.776
4.	Phải trả người lao động	314		30.172.206.032	28.278.074.964
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	105.000.000	105.000.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.370.843.669	2.129.376.334
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		375.902.138	148.561.268
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>24.260.989.763</b>	<b>23.514.518.870</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>24.260.989.763</b>	<b>23.514.518.870</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.060.000.000	18.060.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.060.000.000	18.060.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		2.223.458.000	1.783.754.000
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.977.531.763	3.670.764.870
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.977.531.763	3.670.764.870
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>98.960.725.896</b>	<b>72.767.742.520</b>

Bình Định, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Thế Đạt

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mai Văn Tân

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	179.426.540.424	150.095.829.214
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>179.426.540.424</b>	<b>150.095.829.214</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	158.394.735.707	131.329.253.996
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>21.031.804.717</b>	<b>18.766.575.218</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	831.577.251	1.204.180.939
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	-	11.530.137
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	11.530.137
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	212.948.214	336.277.792
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	16.808.329.034	14.983.131.377
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.842.104.720</b>	<b>4.639.816.851</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	17.530.008	4.000.000
12.	Chi phí khác	32	VI.06	201.754.103	44.288.610
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(184.224.095)</b>	<b>(40.288.610)</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.657.880.625</b>	<b>4.599.528.241</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	680.348.862	928.763.371
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>3.977.531.763</b>	<b>3.670.764.870</b>
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	2.202	1.463
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.202	1.463

Bình Định, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Thế Đạt

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mai Văn Tân





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		204.932.480.791	148.300.065.492
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(92.522.465.190)	(64.697.145.691)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(77.518.942.092)	(71.036.750.224)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	(11.530.137)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.339.648.971)	(553.367.785)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		111.884.779	4.445.449.637
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.066.504.031)	(20.270.656.466)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11.596.805.286</b>	<b>(3.823.935.174)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.221.311.818)	(2.931.040.910)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.300.000.000)	(94.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.300.000.000	94.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		831.577.251	1.204.180.939
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.389.734.567)</b>	<b>(1.726.859.971)</b>

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		11.200.000.000	5.000.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.200.000.000)	(5.000.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.203.320.000)	(1.444.800.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.203.320.000)</b>	<b>(1.444.800.000)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>7.003.750.719</b>	<b>(6.995.595.145)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>564.893.277</b>	<b>7.560.488.422</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>7.568.643.996</b>	<b>564.893.277</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Định ngày 22 tháng 02 năm 2021

Giám đốc






Phạm Thế Đạt

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mai Văn Tân



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

#### 02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

#### 03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

#### 04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 02 đơn vị thành viên là chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Xí nghiệp xây dựng công trình	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Trung tâm dịch vụ và văn hóa thể thao Đường sắt	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### 03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

**05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

**06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**07. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

**08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	250.489.087	185.481.212
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.318.154.909	379.412.065
<b>Cộng</b>	<b>7.568.643.996</b>	<b>564.893.277</b>

**02. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>52.167.844.332</b>	<b>51.472.185.628</b>
- Ban quản lý dự án đường sắt	15.032.716.504	-
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	31.320.117.828	43.500.847.628
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	5.815.010.000	7.971.338.000
<b>Cộng</b>	<b>52.167.844.332</b>	<b>51.472.185.628</b>

**b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>46.352.834.332</b>	<b>45.175.518.628</b>
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	31.320.117.828	43.500.847.628
- Ban quản lý dự án đường sắt	15.032.716.504	-
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	-	1.674.671.000
<b>Cộng</b>	<b>46.352.834.332</b>	<b>45.175.518.628</b>

**03. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>18.782.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Vật liệu và Kiểm định Siêu Việt	18.782.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.782.000</b>	-

**04. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>968.416.861</b>	-	<b>2.135.917.134</b>	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	47.534.293	-	105.953.105	-
- Phải thu khác	920.882.568	-	2.029.964.029	-
+ Phải thu CBCNV – BHXH	407.749.988	-	364.683.136	-
+ Phải thu CBCNV - BHYT	82.000.700	-	79.199.600	-
+ Phải thu CBCNV - BHTN	54.683.200	-	52.786.300	-
+ Các khoản phải thu khác	376.448.680	-	1.533.294.993	-
<b>Cộng</b>	<b>968.416.861</b>	-	<b>2.135.917.134</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Thống nhất 508	1.140.916.000	-	1.140.916.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.140.916.000</b>	-	<b>1.140.916.000</b>	-

**06. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	2.398.908.230	-	3.519.821.246	-
- Công cụ, dụng cụ	25.631.745	-	26.881.896	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.903.337.232	-	1.472.719.980	-
- Hàng hóa	7.394.193	-	5.326.812	-
<b>Cộng</b>	<b>24.335.271.400</b>	-	<b>5.024.749.934</b>	-





**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>11.805.326.557</b>	<b>7.384.026.242</b>	<b>10.080.717.564</b>	<b>35.886.364</b>	<b>29.305.956.727</b>
- Mua trong năm	-	2.363.800.000	857.511.818	-	3.221.311.818
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.805.326.557</b>	<b>9.747.826.242</b>	<b>10.938.229.382</b>	<b>35.886.364</b>	<b>32.527.268.545</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>7.837.866.965</b>	<b>3.289.356.552</b>	<b>6.131.426.154</b>	<b>34.399.643</b>	<b>17.293.049.314</b>
- Khấu hao trong năm	542.027.532	1.071.447.944	747.811.653	1.486.721	2.362.773.850
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.379.894.497</b>	<b>4.360.804.496</b>	<b>6.879.237.807</b>	<b>35.886.364</b>	<b>19.655.823.164</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>3.967.459.592</b>	<b>4.094.669.690</b>	<b>3.949.291.410</b>	<b>1.486.721</b>	<b>12.012.907.413</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.425.432.060</b>	<b>5.387.021.746</b>	<b>4.058.991.575</b>	<b>-</b>	<b>12.871.445.381</b>

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng là 9.246.069.427 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

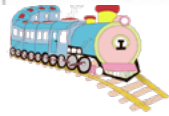
Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**08. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Dài hạn</b>	<b>2.171.237.926</b>	<b>2.698.005.134</b>
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	478.681.360	666.187.254
- Giá trị lợi thế kinh doanh	1.692.556.566	2.031.067.880
- Các khoản khác	-	750.000
<b>Cộng</b>	<b>2.171.237.926</b>	<b>2.698.005.134</b>



09. Vay và nợ thuê tài chính	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	11.200.000.000	11.200.000.000	-	-
- Vay đối tượng khác	-	-	11.200.000.000	11.200.000.000	-	-
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	-	11.200.000.000	11.200.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>11.200.000.000</b>	<b>11.200.000.000</b>	-	-

10. Phải trả người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>31.986.610.404</b>	<b>31.986.610.404</b>	<b>14.472.999.708</b>	<b>14.472.999.708</b>
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	2.020.892.143	2.020.892.143	3.312.056.795	3.312.056.795
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	19.454.841.400	19.454.841.400	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	10.510.876.861	10.510.876.861	11.160.942.913	11.160.942.913
<b>Cộng</b>	<b>31.986.610.404</b>	<b>31.986.610.404</b>	<b>14.472.999.708</b>	<b>14.472.999.708</b>

**b. Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>703.193.000</b>	<b>703.193.000</b>
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	-	-	703.193.000	703.193.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>703.193.000</b>	<b>703.193.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Người mua trả tiền trước	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>8.460.759.000</b>	<b>8.460.759.000</b>	<b>285.823.600</b>	<b>285.823.600</b>
- Công ty TNHH Hoàng Yên	-	-	285.823.600	285.823.600
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	5.040.000.000	5.040.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	3.400.000.000	3.400.000.000	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	20.759.000	20.759.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.460.759.000</b>	<b>8.460.759.000</b>	<b>285.823.600</b>	<b>285.823.600</b>

**b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan ngắn hạn</b>	<b>8.440.000.000</b>	<b>8.440.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	5.040.000.000	5.040.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	3.400.000.000	3.400.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.440.000.000</b>	<b>8.440.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	2.862.661.292	9.018.726.890	-	1.809.208.444
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	628.763.371	791.234.462	-	80.348.862
- Thuế thu nhập cá nhân	-	341.963.113	394.969.979	-	338.857.584
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	405.821.192	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	16.478.689	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.833.387.776</b>	<b>10.627.231.212</b>	<b>-</b>	<b>2.228.414.890</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<i>105.000.000</i>	<i>105.000.000</i>
- Các khoản trích trước khác	105.000.000	105.000.000
<b>Cộng</b>	<b>105.000.000</b>	<b>105.000.000</b>

**14. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1.370.843.669</i>	<i>2.129.376.334</i>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.370.843.669	2.129.376.334
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	1.220.388.669	1.225.456.998
+ Các đối tượng khác	150.455.000	903.919.336
<b>Cộng</b>	<b>1.370.843.669</b>	<b>2.129.376.334</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>18.060.000.000</b>	<b>1.318.754.000</b>	<b>3.104.278.675</b>	<b>22.483.032.675</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	3.670.764.870	3.670.764.870
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	465.000.000	(3.104.278.675)	(2.639.278.675)
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>18.060.000.000</b>	<b>1.783.754.000</b>	<b>3.670.764.870</b>	<b>23.514.518.870</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	3.977.531.763	3.977.531.763
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm nay (*)	-	439.704.000	(3.670.764.870)	(3.231.060.870)
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>18.060.000.000</b>	<b>2.223.458.000</b>	<b>3.977.531.763</b>	<b>24.260.989.763</b>

(\*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-DHĐCĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình. Cụ thể như sau:

	Số tiền
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	439.704.000
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	793.740.870
- Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	234.000.000
- Trích cổ tức chi trả	2.203.320.000
<b>Tổng phân phối lợi nhuận</b>	<b>3.670.764.870</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	9.210.600.000	51%	9.210.600.000	51%
- Các cổ đông khác	8.849.400.000	49%	8.849.400.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>18.060.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>18.060.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.060.000.000	18.060.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	18.060.000.000	18.060.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.203.320.000	1.444.800.000

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.806.000	1.806.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

*Vật tư nhận giữ hộ (vật tư cũ thu hồi) Tổng Công ty đường sắt Việt Nam*

Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số cuối năm	
		Số lượng	Trọng lượng quy đổi (kg)
Ray P43 L=12,5m PL	Thanh	480	192.000
Lập lách P43 PL	Bộ	481	6.734
Lập lách P30 PL	Bộ	4	40
Xương ghi tg 0,15 P30 PL	Bộ	1	2.000
Tâm ghi tg 1/9 P50 PL	Cái	5	1.500
Tà vệt sắt PL	Thanh	7.555	120.880
Tà vệt bê tông thường các loại:	Thanh	6.230	12.460
Bu lông các loại:	Cái	64.940	19.482
Cóc các loại:	Cái	59.275	17.783
Đỉnh Tiaraphong PL	Cái	7.003	1.401
Đỉnh Cramphong PL	Cái	3.792	758
Cần sắt các loại PL	Cái	19.705	5.912
Đỉnh xoắn PL	Cái	44	9
Đệm sắt PL	Tấm	2.046	2.046

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu xây lắp, bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.426.540.424	150.095.829.214
<b>Cộng</b>	<b>179.426.540.424</b>	<b>150.095.829.214</b>

*Doanh thu đối với các bên liên quan*

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	156.636.851.418	144.536.978.779
+ Hoạt động quản lý bảo dưỡng thường xuyên	155.869.847.273	141.757.924.416
+ Công trình sửa chữa định kỳ <500 triệu đồng	-	2.659.773.636
+ Cảnh giới đường ngang	-	29.808.000
+ Cứu chữa, khắc phục hậu quả thiên tai	-	89.472.727
+ Thu gom vật tư thu hồi	767.004.145	-
Ban Quản lý dự án đường sắt	20.560.641.493	-
+ Cài tạo, nâng cấp hệ thống đường sắt	20.560.641.493	-
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	-	2.851.834.545
+ Nâng cấp cài tạo sửa chữa đường ngang	-	2.851.834.545

**02. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hoạt động xây lắp, bán hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	158.394.735.707	131.329.253.996
<b>Cộng</b>	<b>158.394.735.707</b>	<b>131.329.253.996</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	831.577.251	1.204.180.939
<b>Cộng</b>	<b>831.577.251</b>	<b>1.204.180.939</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	-	11.530.137
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>11.530.137</b>

**05. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản thu nhập khác	17.530.008	4.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.530.008</b>	<b>4.000.000</b>

**06. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí bồi thường chậm tàu	2.940.000	27.870.000
- Chi phí cắt giảm công trình	10.478.689	7.573.708
- Các khoản chi phí khác	188.335.414	8.844.902
<b>Cộng</b>	<b>201.754.103</b>	<b>44.288.610</b>





Đơn vị tính: VND

**07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>16.808.329.034</b>	<b>14.983.131.377</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	8.779.832.721	8.179.179.976
- Thuế, phí và lệ phí	306.200.006	306.190.004
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.722.296.307	6.497.761.397
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>212.948.214</b>	<b>336.277.792</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	212.948.214	336.277.792
<b>Cộng</b>	<b>17.021.277.248</b>	<b>15.319.409.169</b>

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	680.348.862	928.763.371
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>680.348.862</b>	<b>928.763.371</b>

(\*): Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.657.880.625	4.599.528.241
Các khoản điều chỉnh tăng	201.754.103	44.288.610
- Chi phí không được trừ	201.754.103	44.288.610
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	4.859.634.728	4.643.816.851
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN trước giảm trừ	971.926.946	928.763.371
Thuế TNDN được giảm(*)	291.578.084	-
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>680.348.862</b>	<b>928.763.371</b>

(\*) Giảm 30% số thuế phải nộp theo nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020.

**09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.977.531.763	3.670.764.870
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.977.531.763	3.670.764.870
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.027.740.870
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.202</b>	<b>1.463</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Đơn vị tính: VND

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.977.531.763	3.670.764.870
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.977.531.763	3.670.764.870
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.027.740.870
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.202</b>	<b>1.463</b>

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.769.307.147	37.785.626.900
- Chi phí nhân công	92.230.391.640	86.498.958.389
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.362.773.850	1.852.399.076
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.848.533.916	4.934.133.744
- Chi phí khác bằng tiền	22.635.623.654	15.630.193.495
<b>Cộng</b>	<b>195.846.630.207</b>	<b>146.701.311.604</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan**

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	2.712.289.750	2.331.300.450
<b>Cộng</b>	<b>2.712.289.750</b>	<b>2.331.300.450</b>



**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Vinh	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Xi nghiệp toa xe Đà Nẵng	Đơn vị trong hệ thống

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tổng Công ty đường sắt Việt Nam</b>		
- Trả cổ tức	1.123.693.200	736.848.000
- Chi phí thuê nhà cung đường	167.188.363	171.358.480
- Thuê máy móc	1.908.875.401	1.908.875.401
- Bồi thường vật chất	2.940.000	27.870.000
- Vay ngắn hạn	11.200.000.000	-
- Trả gốc vay ngắn hạn	11.200.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn</b>		
- Chi phí vận chuyển đá	2.196.619.000	2.465.061.000
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Xi nghiệp toa xe Đà Nẵng</b>		
- Chi phí sửa chữa xe goòng	125.217.000	-
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng</b>		
- Thuê máy chèn đường	-	639.266.364
<b>Công ty Cổ phần TTTH Đường sắt Đà Nẵng</b>		
- Chi phí thi công công	-	284.477.273
<b>Công ty Cổ phần In Đường sắt</b>		
- In tài liệu	-	17.784.000
<b>Trung tâm Y tế Đường sắt</b>		
- Khám sức khỏe định kỳ	135.250.000	114.800.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.09, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Tổng Công ty đường sắt Việt Nam</b>		
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.220.388.669	1.225.456.998
<b>Công nợ phải trả</b>	<b>1.220.388.669</b>	<b>1.225.456.998</b>

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Bảo trì thường xuyên: Bảo trì thường xuyên hạ tầng đường sắt Bắc Nam theo đơn đặt hàng của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.
- Hoạt động khác: Hoạt động xây dựng các công trình đường sắt, kinh doanh nhà hàng, đại lý vé máy bay ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

1/9/2023





	Đơn vị tính: VND	
	Bảo trì thường xuyên	Hoạt động khác
<b>Năm nay</b>		<b>Cộng</b>
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	155.869.847.273	23.556.693.151
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-
- Chi phí phân bổ	150.943.449.759	23.640.985.945
- <b>Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>4.926.397.514</b>	<b>(84.292.794)</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	3.221.311.818	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.291.416.522	71.357.328
<b>Số dư cuối năm nay</b>		
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	79.393.326.172	11.998.755.728
- Tài sản không phân bổ	<b>79.393.326.172</b>	<b>11.998.755.728</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>64.565.947.859</b>	<b>9.757.886.136</b>
- Nợ phải trả bộ phận		
- Nợ phải trả không phân bổ	<b>64.565.947.859</b>	<b>9.757.886.136</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>		<b>74.699.736.133</b>

**Khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị sổ sách	Giá trị hợp lý
	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng
	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.568.643.996	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.088.726.900	(1.140.916.000)
<b>Cộng</b>	<b>60.657.370.896</b>	<b>(1.140.916.000)</b>
	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng
	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả cho người bán	31.986.610.404	14.472.999.708
Chi phí phải trả	105.000.000	105.000.000
Các khoản phải trả khác	1.370.843.669	2.148.859.534
<b>Cộng</b>	<b>33.462.454.073</b>	<b>16.726.859.242</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị sổ sách	Giá trị hợp lý
	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng
	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả cho người bán	31.986.610.404	14.472.999.708
Chi phí phải trả	105.000.000	105.000.000
Các khoản phải trả khác	1.370.843.669	2.148.859.534
<b>Cộng</b>	<b>33.462.454.073</b>	<b>16.726.859.242</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**06. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	31.986.610.404	-	-	31.986.610.404
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	1.370.843.669	-	-	1.370.843.669
<b>Cộng</b>	<b>33.462.454.073</b>	-	-	<b>33.462.454.073</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	14.472.999.708	-	-	14.472.999.708
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	2.148.859.534	-	-	2.148.859.534
<b>Cộng</b>	<b>16.726.859.242</b>	-	-	<b>16.726.859.242</b>

**07. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giá định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Định, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Giám đốc

Phạm Thế Đạt

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mai Văn Tân



DIGITAL SIGNATURE



**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**GIÁM ĐỐC**



**MAI VĂN TÂN**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN THÁI LINH**

